

Tài liệu của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc.

Dịch từ bản tiếng Anh, có tại

<http://www.ohchr.org/EN/PublicationsResources/Pages/FactSheets.aspx>



Người Bảo vệ Nhân quyền: Bảo vệ Quyền bảo vệ Nhân quyền

Nhân quyền

**Người bảo vệ Nhân quyền: Bảo vệ
Quyền bảo vệ Nhân quyền**

Tài liệu tóm tắt số 29

Mục lục

CÁC CHỮ VIẾT TẮT	iv
GIỚI THIỆU	1
I. NGƯỜI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN.....	2
A. Người bảo vệ nhân quyền làm gì?	2
1. Tất cả quyền con người cho tất cả mọi người.....	2
2. Nhân quyền ở mọi nơi	2
3. Hoạt động tại địa phương, khu vực và quốc tế.....	3
4. Thu thập và phổ biến thông tin về vi phạm nhân quyền	3
5. Hỗ trợ các nạn nhân bị vi phạm nhân quyền	3
6. Hành động để đảm bảo trách nhiệm giải trình và chấm dứt miễn trừ trách nhiệm.....	4
7. Hỗ trợ việc quản trị tốt hơn và các chính sách của chính phủ.	4
8. Đóng góp vào việc thực thi các công ước nhân quyền.....	4
9. Giáo dục và đào tạo nhân quyền.....	5
B. Ai có thể làm một Người bảo vệ nhân quyền?	5
1. Bảo vệ nhân quyền qua các hoạt động chuyên môn - được trả công hay tự nguyện	6
2. Bảo vệ nhân quyền trong những hoàn cảnh ngoài chuyên môn.....	7
C. Người bảo vệ nhân quyền có phải đáp ứng một tiêu chuẩn tối thiểu nào không?.....	8
II. NHỮNG HÀNH ĐỘNG BẠO LỰC CHỐNG LẠI NGƯỜI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN HỌ PHẢI ĐỐI MẶT	9
A. Ví dụ về các hành vi chống lại Người bảo vệ nhân quyền.....	10
B. Tình trạng của những phụ nữ bảo vệ nhân quyền.....	13
C. Những người vi phạm quyền của những người bảo vệ nhân quyền	14
1. Các cơ quan nhà nước	14
2. Các tác nhân khác bên ngoài khu vực Nhà nước	15
3. Vai trò tích cực của Nhà nước và các tác nhân ngoài khu vực Nhà nước.....	16
III. LIÊN HIỆP QUỐC BẢO VỆ NGƯỜI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN VÀ HỖ TRỢ CÔNG VIỆC CỦA HỌ	17
A. Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền	17
1. Đặc điểm pháp lý	18

2. Các điều khoản trong Tuyên bố	18
(a) Quyền của người bảo vệ nhân quyền và việc bảo vệ người bảo vệ nhân quyền	18
(b) Nghĩa vụ của Nhà nước.....	19
(c) Trách nhiệm của mọi người	20
(d) Vai trò của luật pháp trong nước	20
B. Đặc sứ của Tổng thư ký về người bảo vệ nhân quyền.....	20
1. Chức năng chính thức của Đặc sứ	21
2. Những hoạt động thực tế của Đặc sứ	21
(a) Liên lạc với những người bảo vệ nhân quyền	21
(b) Liên lạc với Nhà nước	22
(c) Liên lạc với những tác nhân quan trọng khác	22
(d) Các trường hợp cá nhân	22
(e) Chuyển thăm đến một nước.....	23
(f) Các hội thảo và hội nghị	24
(g) Chiến lược.....	24
(h) Các báo cáo	24
3. Bố trí nguồn lực và hỗ trợ - vai trò của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc.	
25	
IV. Người bảo vệ nhân quyền có thể được hỗ trợ và bảo vệ trong công việc của mình như thế nào?	25
A. Hành động của Nhà nước.....	26
1. Sử dụng Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền.....	27
2. Bảo vệ trong thực tế.....	27
3. Hành động của từng cơ quan Nhà nước.....	28
B. Hành động của các tác nhân không thuộc khu vực Nhà nước – bao gồm xã hội dân sự và khu vực tư nhân	29
C. Hành động của các nhánh, văn phòng và các chương trình của Liên Hợp Quốc.....	30
1. Ở cấp quốc gia	30
2. Ở cấp khu vực và quốc tế	31
D. Hành động của người bảo vệ nhân quyền	32
1. Chất lượng công việc.....	32
2. Đào tạo	32
3. Các mạng lưới và kênh thông tin	32
4. Phân tích.....	33

5. Hỗ trợ những biện pháp bảo vệ nhân quyền của Nhà nước	33
6. Các chiến lược bảo vệ	33
7. Sử dụng Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền.....	33
PHỤ LỤC	34
Phụ lục I: Tuyên bố về Quyền và Nghĩa vụ của các cá nhân, các nhóm và các bộ phận của xã hội trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người và tự do cơ bản đã được thừa nhận rộng rãi.....	34
Phụ lục II: Hướng dẫn báo tin cho Đặc sứ về vi phạm Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền	41

CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ILO: Tổ chức Lao động Quốc tế

OHCHR: Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về Nhân quyền

UNAIDS: Chương trình chung của Liên Hợp Quốc về HIV/AIDS

UNDP: Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc

UNESCO: Tổ chức Liên Hợp Quốc về Giáo dục, Khoa học và Văn hóa

UNHCR: Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tỵ nạn

UNICEF: Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc

UNIFEM: Quỹ Phát triển Liên Hợp Quốc dành cho Phụ nữ

WFP: Chương trình Lương thực Thế giới

WHO: Tổ chức Y tế Thế giới

GIỚI THIỆU

Tài liệu này được xây dựng để hỗ trợ những người bảo vệ nhân quyền trong công việc vô giá của họ. Tài liệu này chủ yếu dành cho các cơ quan Nhà nước, các tổ chức phi chính phủ trong nước và quốc tế, nhân viên của Liên Hợp Quốc, các tổ chức doanh nghiệp (bao gồm cả các công ty đa quốc gia) và chính những người bảo vệ nhân quyền. Tài liệu này cũng dành cho công chúng nói chung, và có thể có ích cho các phóng viên và những người khác trong việc truyền bá thông tin về vai trò của những người bảo vệ nhân quyền và tình hình của họ.

Đặc biệt, tài liệu này nhằm:

- ❖ Giúp các Chính phủ và những nhà chức trách thường xuyên tiếp xúc với những người bảo vệ nhân quyền nhanh chóng hiểu thế nào là “một người bảo vệ nhân quyền” và những hoạt động của những người bảo vệ nhân quyền là gì;
- ❖ Hỗ trợ quyền bảo vệ nhân quyền;
- ❖ Củng cố việc bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền khỏi bất kỳ những hậu quả gián tiếp nào do công việc của họ;
- ❖ Cung cấp một công cụ cho những người bảo vệ nhân quyền trong khi tiến hành các hoạt động vận động và đào tạo.

Tài liệu này cũng giải thích ngắn gọn Tuyên ngôn về Quyền và Nghĩa vụ của các cá nhân, các nhóm và các thành phần của xã hội trong việc Thúc đẩy và Bảo vệ các Quyền con người và những Tự do căn bản được công nhận trên toàn cầu.¹ Đồng thời, tài liệu này cũng giới thiệu các hoạt động và phương thức làm việc của Đặc sứ của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc về những người bảo vệ nhân quyền.

Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền nêu rằng mỗi người đều có trách nhiệm thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người. Trên cơ sở đó, và trên hết, tài liệu này muốn khuyến khích mọi người bảo vệ quyền con người - trở thành những người bảo vệ nhân quyền.

¹ Sau đây được gọi tắt là “Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền”. Nội dung Tuyên ngôn có trong phụ lục 1.

I. NGƯỜI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN

“Người bảo vệ nhân quyền” là một thuật ngữ dùng để chỉ những người, với tư cách cá nhân hay cùng với những người khác, hành động để thúc đẩy hay bảo vệ nhân quyền. Người bảo vệ nhân quyền được xác định trước hết bằng những việc họ làm và qua những hành động của họ (xem mục A bên dưới) và qua một số hoàn cảnh mà họ làm việc (xem phần B bên dưới).² Còn có rất nhiều ví dụ khác ngoài những ví dụ được đưa ra dưới đây để minh họa cho hoạt động của Người bảo vệ nhân quyền.

A. Người bảo vệ nhân quyền làm gì?

1. Tất cả quyền con người cho tất cả mọi người

Là một người bảo vệ nhân quyền, một người có thể hành động vì bất kỳ một hay nhiều quyền con người, nhân danh các cá nhân hay các nhóm. Người bảo vệ nhân quyền nỗ lực thúc đẩy và bảo vệ các quyền dân sự và chính trị cũng như thúc đẩy, bảo vệ và hiện thực hóa các quyền kinh tế, xã hội và văn hóa.

Người bảo vệ nhân quyền hành động trên bất kỳ quan ngại nhân quyền nào, có thể rất khác nhau, từ việc xử tử vắng mặt, tra tấn, bắt và giam giữ sai trái, cắt âm vật, phân biệt đối xử, các vấn đề liên quan đến việc làm và lao động, cưỡng chế, tiếp cận dịch vụ y tế, cho tới rác thải độc hại và những ảnh hưởng đến môi trường. Người bảo vệ môi trường hành động trong những lĩnh vực về quyền con người khác nhau như quyền sống, quyền về lương thực và nước, cho tới quyền có tiêu chuẩn cao nhất về sức khỏe, quyền có nhà ở thích đáng, quyền có tên gọi và quốc tịch, quyền giáo dục, quyền tự do di chuyển và quyền không bị phân biệt đối xử. Đôi khi, họ cũng hành động vì quyền của những nhóm người cụ thể, ví dụ quyền của phụ nữ, quyền trẻ em, quyền của người bản địa, quyền của người tị nạn quốc tế và trong nước (những người bị mất chỗ ở), và quyền của những người thiểu số về quốc tịch, ngôn ngữ hoặc tình dục.

2. Nhân quyền ở mọi nơi

Người bảo vệ nhân quyền hoạt động ở mọi nơi trên thế giới: từ những quốc gia bị phân tách do xung đột vũ trang và nội chiến cho đến những quốc gia ổn định; ở những nước không dân chủ cũng như những nước có một nền dân chủ mạnh; ở những quốc gia kinh tế đang phát triển cũng như cả ở những quốc gia được coi là kinh tế phát triển. Họ thúc đẩy và bảo vệ quyền con người ở những nơi có nhiều thách thức khác nhau, như về HIV/AIDS, phát triển, di cư, chính sách điều chỉnh thể chế và chuyển biến về chính trị.

² Thuật ngữ “Người bảo vệ nhân quyền” đã được sử dụng ngày càng rộng rãi kể từ khi Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền được thông qua năm 1998. Cho tới thời điểm đó, những từ như “nhà hoạt động nhân quyền”, “người làm việc vì nhân quyền”, “người giám sát nhân quyền” được sử dụng rộng rãi. Thuật ngữ “Người bảo vệ nhân quyền” được coi là phù hợp và hữu ích nhất.

3. Hoạt động tại địa phương, khu vực và quốc tế

Phần lớn công việc của người bảo vệ nhân quyền diễn ra ở cấp địa phương hay quốc gia, công việc của họ ủng hộ sự tôn trọng quyền con người trong chính cộng đồng và đất nước của họ. Trong công việc đó, đối tác chính của họ là những cơ quan có thẩm quyền tại địa phương có trách nhiệm đảm bảo sự tôn trọng quyền con người trong một tỉnh hay cả nước. Tuy nhiên, một số người bảo vệ nhân quyền hoạt động ở cấp khu vực hay quốc tế. Họ có thể, ví dụ, giám sát một vấn đề nhân quyền ở khu vực hay toàn cầu và thông báo đến một hay các cơ chế nhân quyền quốc tế, gồm các báo cáo viên đặc biệt của các Ủy ban của Liên Hợp Quốc về Nhân quyền hay các Cơ quan Công ước của Liên Hợp Quốc.³

Công việc của những người bảo vệ nhân quyền ngày càng có xu hướng đa dạng và bao gồm nhiều vấn đề, tập trung vào các vấn đề nhân quyền ở địa phương và trong nước, trong đó người bảo vệ nhân quyền liên lạc với các cơ chế khu vực và quốc tế có thể hỗ trợ họ trong việc cải thiện nhân quyền ở nước mình.

4. Thu thập và phổ biến thông tin về vi phạm nhân quyền

Người bảo vệ nhân quyền điều tra, thu thập thông tin về vi phạm nhân quyền và báo cáo các vi phạm nhân quyền. Họ có thể, ví dụ, sử dụng các chiến lược vận động khiến công chúng, các chính trị gia và các cán bộ tư pháp quan tâm đến báo cáo của họ để những phát hiện và điều tra của họ được chú ý một cách thích đáng và những vi phạm nhân quyền được giải quyết. Hầu hết những công việc này được tiến hành thông qua các tổ chức nhân quyền, các tổ chức này định kỳ công bố báo cáo về các phát hiện của họ. Tuy nhiên, các cá nhân cũng có thể thu thập và báo cáo thông tin về một sự kiện hoặc hành vi vi phạm nhân quyền cụ thể.

5. Hỗ trợ các nạn nhân bị vi phạm nhân quyền

Một phần lớn trong các hoạt động của người bảo vệ nhân quyền có thể được coi là các hoạt động hỗ trợ các nạn nhân bị vi phạm nhân quyền. Việc điều tra và báo cáo về vi phạm có thể giúp chấm dứt những vi phạm đang diễn ra, ngăn chặn sự tái diễn và hỗ trợ các nạn nhân đưa trường hợp của mình ra trước tòa.

Một số người bảo vệ nhân quyền tư vấn pháp lý và đại diện cho các nạn nhân trong các thủ tục tư pháp. Một số hỗ trợ nạn nhân bằng cách tư vấn tâm lý và giúp họ hồi phục.

³ Tham khảo thêm thông tin về các cơ chế nhân quyền quốc tế, ví dụ, ở Bản tóm tắt số 10, 15, 16, 17 và 27 của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về Nhân quyền.

6. Hành động để đảm bảo trách nhiệm giải trình và chấm dứt miễn trừ trách nhiệm

Nhiều người bảo vệ nhân quyền làm việc để đảm bảo trách nhiệm giải trình với những tiêu chuẩn pháp lý về nhân quyền. Theo nghĩa rộng, công việc này có thể bao gồm vận động chính quyền và vận động Nhà nước có những nỗ lực lớn hơn trong việc thực thi các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế mà Nhà nước đã chấp thuận tuân thủ thông qua việc trở thành thành viên của các công ước quốc tế.

Cụ thể, để nâng cao trách nhiệm giải trình của chính quyền, người bảo vệ nhân quyền có thể đứng ra làm chứng tại một diễn đàn công khai (ví dụ như trên báo chí) hay trước một tòa án hoặc phiên tòa về các vi phạm nhân quyền đã xảy ra. Theo đó, người bảo vệ nhân quyền đóng góp vào việc đảm bảo công lý cho các nạn nhân trong những trường hợp vi phạm nhân quyền cụ thể và để phá vỡ những lối mòn về miễn trừ trách nhiệm, qua đó ngăn chặn những vi phạm có thể tái diễn. Một số đáng kể những người bảo vệ nhân quyền, thường thông qua các tổ chức thành lập vì mục đích này, chú trọng đặc biệt vào việc chấm dứt tình trạng không ai phải chịu trách nhiệm về những vi phạm nhân quyền. Nhóm này cũng có thể làm việc để kiện toàn năng lực của Nhà nước trong việc đưa ra xét xử những người có hành vi vi phạm nhân quyền, ví dụ thông qua việc đào tạo và tập huấn về nhân quyền cho các công tố viên, chánh án và công an.

7. Hỗ trợ việc quản trị tốt hơn và các chính sách của chính phủ.

Một số người bảo vệ nhân quyền chú trọng vào việc khuyến khích một chính phủ, xét trên tổng thể, đảm bảo các nghĩa vụ nhân quyền của mình, ví dụ thông qua việc công bố thông tin về tình hình Chính phủ thực thi các tiêu chuẩn nhân quyền và giám sát những tiến bộ đạt được. Một số người bảo vệ nhân quyền chú trọng vào quản trị tốt, vận động cho tiến trình dân chủ hóa và chấm dứt tham nhũng và lạm quyền, và tiến hành đào tạo và tập huấn cho người dân về cách thức bầu cử và tầm quan trọng của việc cử tri đi bỏ phiếu.

8. Đóng góp vào việc thực thi các công ước nhân quyền

Người bảo vệ nhân quyền có những đóng góp quan trọng, đặc biệt thông qua các tổ chức của họ, trong việc thực thi các công ước nhân quyền quốc tế trong thực tế. Nhiều tổ chức phi chính phủ (NGO) và các tổ chức liên chính phủ giúp đỡ dựng nhà ở, chăm sóc sức khỏe và các dự án tạo thu nhập bền vững cho người nghèo và những cộng đồng bị lề hóa. Người bảo vệ nhân quyền tiến hành đào tạo về những kỹ năng cần thiết và cung cấp những công cụ như máy tính để các cộng đồng có thể tiếp cận thông tin tốt hơn.

Nhóm này đáng được chú ý đặc biệt vì những người làm việc trong lĩnh vực này không phải lúc nào cũng được mô tả như là người bảo vệ nhân quyền và bản thân họ cũng có thể không dùng thuật ngữ “nhân quyền” khi mô tả công việc của mình, họ dùng những từ như “y tế”, “nhà ở” hay “phát triển” để mô tả những lĩnh vực hoạt động của họ. Rất

những hoạt động trong lĩnh vực được phản ánh qua những khái niệm rộng hơn như hành động phát triển, thực chất là hỗ trợ nhân quyền. Nhiều NGO và cơ quan Liên Hợp Quốc nằm trong lĩnh vực này. Công việc của họ, cũng như những người bảo vệ nhân quyền khác, lấy trọng tâm là tôn trọng, bảo vệ và đạt được các tiêu chuẩn nhân quyền, và những hoạt động của họ cần, và xứng đáng được bảo vệ theo Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền.

9. Giáo dục và đào tạo nhân quyền

Một hoạt động quan trọng mà người bảo vệ nhân quyền thực hiện là giáo dục nhân quyền. Ví dụ, các hoạt động giáo dục nhân quyền diễn ra dưới dạng tập huấn để áp dụng các tiêu chuẩn nhân quyền trong một hoạt động nghề nghiệp, như với các chánh án, luật sư, công an, người lính, hay người giám sát nhân quyền. Ví dụ khác, giáo dục nhân quyền có thể rộng hơn và liên quan đến dạy về nhân quyền trong các nhà trường và trường đại học, hay phổ biến thông tin về tiêu chuẩn nhân quyền tới công chúng nói chung hay tới những người dễ bị thương tổn.

Tóm lại, thu thập và phổ biến thông tin, vận động và huy động quan điểm của công chúng là những công cụ phổ biến nhất mà người bảo vệ nhân quyền thường dùng trong công việc của mình. Đồng thời, họ cũng cung cấp thông tin để trao quyền hay đào tạo cho những người khác. Người bảo vệ nhân quyền cũng tích cực cung cấp những phương tiện vật chất cần thiết để hiện thực hóa quyền con người: xây dựng nơi ở, cung cấp lương thực, hỗ trợ phát triển, vv.. Họ làm việc vì những chuyển biến mang tính dân chủ nhằm tăng cường sự tham gia của người dân vào tiến trình ra quyết định ảnh hưởng đến cuộc sống của chính mình và để thúc đẩy quản trị tốt hơn. Họ cũng đóng góp vào việc cải thiện những điều kiện xã hội, chính trị và kinh tế, giảm những xung đột xã hội và chính trị, xây dựng hòa bình trong nước và quốc tế, và nuôi dưỡng nhận thức trong nước và quốc tế về nhân quyền.

B. Ai có thể làm một Người bảo vệ nhân quyền?

Không có một định nghĩa cụ thể người bảo vệ nhân quyền là ai, hoặc ai có thể làm người bảo vệ nhân quyền. Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền (xem phụ lục I) đề cập đến “các cá nhân, nhóm và hiệp hội... đóng góp vào... việc xóa bỏ một cách hiệu quả tất cả mọi vi phạm nhân quyền và những quyền tự do căn bản của các dân tộc và các cá nhân” (đoạn thứ tư trong phần mở đầu).

Theo cách phân loại rộng như trên, người bảo vệ nhân quyền có thể là bất kỳ cá nhân hay nhóm người nào làm việc để thúc đẩy nhân quyền, từ các tổ chức liên chính phủ đóng tại những thành phố lớn nhất trên thế giới tới những cá nhân làm việc trong cộng đồng của họ tại địa phương. Người bảo vệ nhân quyền có thể thuộc bất kỳ giới nào, ở những độ tuổi khác nhau, từ bất kỳ nơi nào trên thế giới và thuộc bất kỳ lĩnh vực ngành nghề hay chuyên môn nào. Đặc biệt, cần nhấn mạnh rằng người bảo vệ nhân quyền không chỉ có ở các tổ chức phi chính phủ hay các tổ chức liên chính phủ mà cũng có

thể, ví dụ, là các quan chức chính phủ, công chức hay thành viên trong khu vực tư nhân.

1. Bảo vệ nhân quyền qua các hoạt động chuyên môn - được trả công hay tự nguyện

Người bảo vệ nhân quyền dễ nhận ra nhất là những người mà công việc hàng ngày của họ liên quan trực tiếp đến việc thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, ví dụ như những người giám sát nhân quyền làm việc với các tổ chức nhân quyền trong nước, các thanh tra nhân quyền hay các luật sư nhân quyền. Tuy nhiên, đặc điểm quan trọng nhất của một người bảo vệ nhân quyền không phải là chức danh của một người hay cái tên của tổ chức mà người ấy làm việc, mà chính là đặc thù nhân quyền trong công việc người ấy thực hiện. Một người không cần phải được biết đến như một “nhà hoạt động nhân quyền” hay làm việc cho một tổ chức có chữ “nhân quyền” trong tên của tổ chức mới có thể được coi là một “người bảo vệ nhân quyền”. Rất nhiều nhân viên của Liên Hợp Quốc phục vụ như những người bảo vệ nhân quyền ngay cả khi công việc hàng ngày của họ được gọi bằng tên khác, ví dụ như “phát triển”. Tương tự, những nhân viên trong nước và quốc tế của các NGO trên toàn thế giới làm việc để giải quyết những quan ngại về nhân đạo có thể là những người bảo vệ nhân quyền tiêu biểu. Những người giáo dục cộng đồng về HIV/AIDS, những người hoạt động vì quyền của các dân tộc bản địa, những nhà môi trường và các tình nguyện viên trong lĩnh vực phát triển cũng đóng vai trò người bảo vệ nhân quyền quan trọng.

Nhiều người làm việc chuyên môn với tư cách là người bảo vệ nhân quyền và được trả lương để thực hiện công việc này. Tuy nhiên, có rất nhiều người khác làm việc chuyên môn với tư cách là người bảo vệ nhân quyền trên cơ sở tình nguyện và không nhận ưu đãi nào. Các tổ chức nhân quyền thường có ngân sách rất hạn hẹp và công việc do những tình nguyện viên đó thực hiện là vô giá.

Nhiều hoạt động chuyên môn không phải lúc nào cũng liên quan đến nhân quyền, nhưng thỉnh thoảng có thể có mối liên hệ với nhân quyền. Ví dụ, các luật sư về luật kinh doanh có thể không thường xuyên giải quyết các vấn đề nhân quyền và vì thế không thể được nghiêm nhiên coi là người bảo vệ nhân quyền. Tuy thế, thỉnh thoảng họ cũng hành động như những người bảo vệ nhân quyền, khi họ làm việc với những vụ việc mà qua đó họ có đóng góp vào việc thúc đẩy hay bảo vệ nhân quyền. Tương tự, lãnh đạo các nghiệp đoàn thực hiện những nhiệm vụ khác nhau, nhiều nhiệm vụ trong đó không liên quan gì đến nhân quyền. Nhưng khi họ làm việc để thúc đẩy và bảo vệ quyền con người của công nhân, họ có thể được nhìn nhận như những người bảo vệ nhân quyền. Theo cách tương tự, nhà báo có chức năng rộng để thu thập và phổ biến thông tin cho công chúng qua phương tiện truyền thông bằng báo in, truyền thanh hay truyền hình. Trong vai trò chung đó, nhà báo không phải là người bảo vệ nhân quyền. Tuy nhiên, nhiều nhà báo thực sự hành động như những người bảo vệ nhân quyền. Ví dụ khi họ đưa tin về những vi phạm nhân quyền và làm chứng với những hành vi họ chứng kiến.

Giáo viên dạy học sinh về những nguyên tắc nhân quyền căn bản cũng đóng một vai trò tương tự, Bác sỹ và những người hành nghề y khác chữa trị và phục hồi cho nạn nhân của vi phạm nhân quyền cũng có thể được xem là người bảo vệ nhân quyền, đặt trong hoàn cảnh của công việc đó; đồng thời bác sỹ có nghĩa vụ đặc biệt theo tinh thần của lời thề Hippocrat.

Những người đóng góp vào việc đảm bảo công lý – các quan tòa, công an, luật sư và những vị trí quan trọng khác - thường đóng vai trò cụ thể và có thể có ảnh hưởng đáng kể trong việc ra những quyết định có thể có lợi cho Nhà nước hoặc cho những nhóm lợi ích có quyền lực khác, như trùm tổ chức tội phạm. Nếu những tác nhân này, khi tham gia vào các thủ tục tư pháp, nỗ lực đặc biệt để đảm bảo một nền tư pháp công bằng và không thiên vị, và từ đó đảm bảo quyền con người liên quan của nạn nhân, những người đó cũng có thể được coi là đang hành động như những người bảo vệ nhân quyền.

Tiêu chí “nỗ lực đặc biệt” tương tự cũng có thể áp dụng cho những ngành nghề hay chuyên môn mà bình thường không liên quan đến nhân quyền một cách rõ ràng. Những cá nhân làm những công việc này có thể thỉnh thoảng lựa chọn thi hành công việc của mình theo một cách mà qua đó có những hỗ trợ đặc biệt với nhân quyền. Ví dụ, một vài kiến trúc sư lựa chọn thiết kế những dự án xây dựng của họ có tính đến những quyền con người liên quan, như quyền có nhà ở (tạm thời) thích đáng cho những người làm việc trong công trình, hay quyền của trẻ em được tham vấn về kiến trúc công trình, nếu công trình đó liên quan cụ thể đến các em.

2. Bảo vệ nhân quyền trong những hoàn cảnh ngoài chuyên môn

Nhiều người hành động như những Người bảo vệ nhân quyền bên ngoài bất kỳ điều kiện nghề nghiệp hay công việc chuyên môn nào. Ví dụ, một sinh viên tổ chức một chiến dịch sinh viên để chấm dứt việc tra tấn trong các nhà tù có thể được coi là một người bảo vệ nhân quyền. Một người sống trong một cộng đồng ở nông thôn tổ chức một cuộc biểu tình của các thành viên cộng đồng chống lại việc suy thoái môi trường đất canh tác của họ do chất thải nhà máy cũng có thể được coi là người bảo vệ nhân quyền. Một cảnh sát đứng ra chống lại nạn tham nhũng trường diễn trong một Chính phủ là một người bảo vệ nhân quyền vì hành động ấy thúc đẩy và bảo vệ việc quản trị tốt và những quyền cụ thể đang bị tham nhũng đe dọa. Những nhân chứng trong các vụ án xét xử những người vi phạm nhân quyền, và những nhân chứng cung cấp thông tin cho các cơ quan nhân quyền quốc tế hay các tòa án trong nước và các phiên tòa để giúp các cơ quan này giải quyết các vi phạm cũng có thể được coi là người bảo vệ nhân quyền trong những hoàn cảnh của các hành động đó.

Người dân trên toàn thế giới đều cố gắng đạt được quyền con người của mình trong chính hoàn cảnh của mình, theo cách thức của mình. Một số người bảo vệ nhân quyền được quốc tế ghi nhận tên tuổi, nhưng phần lớn người bảo vệ nhân quyền vẫn còn không được biết đến. Dù đó là một cá nhân làm việc trên cương vị một quan chức chính phủ ở địa phương, một cảnh sát giữ vững luật pháp hay một người làm nghề giải trí sử dụng vị trí của mình để nêu bật những bất công, tất cả những người ấy đều có thể đóng vai trò thúc đẩy nhân quyền. Điều then chốt là những người ấy hành động để ủng hộ nhân quyền như thế nào, và trong một vài trường hợp, có thực hiện một “nỗ lực đặc biệt” hay không.

Rõ ràng là không thể phân loại được vô số những hoàn cảnh trong đó người bảo vệ nhân quyền hoạt động. Tuy nhiên, điểm chung nhất của hầu hết những người bảo vệ nhân quyền là một sự cam kết giúp đỡ người khác, một sự cam kết với tiêu chuẩn nhân quyền quốc tế, một niềm tin vào bình đẳng và không phân biệt đối xử, sự quả quyết và trong nhiều trường hợp, lòng dũng cảm lớn lao.

C. Người bảo vệ nhân quyền có phải đáp ứng một tiêu chuẩn tối thiểu nào không?

Người bảo vệ nhân quyền không cần phải có một thứ “bằng cấp” nào. Như đã nói trên, Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền tuyên bố rõ ràng rằng tất cả chúng ta đều có thể là người bảo vệ nhân quyền nếu như chúng ta muốn và lựa chọn làm người bảo vệ nhân quyền.

Tuy thế, “tiêu chuẩn” cần thiết của một người bảo vệ nhân quyền là một vấn đề phức tạp, và Tuyên ngôn cũng chỉ rõ rằng người bảo vệ nhân quyền có các trách nhiệm, cũng như các quyền. Tài liệu này muốn nhấn mạnh ba vấn đề sau:

Chấp nhận tính phổ quát của các quyền con người

Người bảo vệ nhân quyền phải chấp nhận tính phổ quát của nhân quyền như định nghĩa trong Tuyên ngôn Nhân quyền Toàn cầu.⁴

Một người không thể từ chối một vài quyền con người nào đó mà lại coi mình là một người bảo vệ nhân quyền khi vận động cho một số quyền khác. Ví dụ, không thể chấp nhận được nếu vận động cho quyền của nam giới mà lại chối bỏ rằng phụ nữ cũng có những quyền bình đẳng.

⁴ Được Đại hội đồng Liên Hợp Quốc thông qua tại Nghị quyết 217 A (III) ngày 10 tháng 12 năm 1948. Tham khảo Tài liệu tóm tắt số 02, Văn kiện Nhân quyền quốc tế.

Ai đúng và ai sai để làm gì?

Vấn đề thứ hai cũng rất quan trọng là tính chính xác của các lập luận được đưa ra. Một người bảo vệ nhân quyền không nhất thiết phải luôn luôn đúng trong những lập luận của mình mới là một người bảo vệ nhân quyền thực sự. Điều quan trọng là người đó có đang bảo vệ một quyền con người hay không. Ví dụ, một nhóm bảo vệ nhân quyền có thể vận động cho một quyền của một cộng đồng ở nông thôn để sở hữu đất cộng đồng đó đang sinh sống và canh tác trên đó qua nhiều thế hệ. Họ có thể tổ chức biểu tình chống lại những lợi ích kinh tế tư nhân tự cho là có quyền sở hữu phần đất đó trong vùng. Họ có thể đúng hay có thể không đúng về việc ai là chủ của phần đất. Tuy nhiên, việc họ đúng hay không đúng trên phương diện pháp lý không liên quan gì đến việc họ có đúng là người bảo vệ nhân quyền thực sự không. Vấn đề ở đây là điều họ quan tâm có nằm trong phạm vi các quyền con người không. Điều này là vô cùng quan trọng bởi vì, ở nhiều nước, những người bảo vệ nhân quyền thường bị Nhà nước, hoặc kể cả công chúng, xem là sai trái vì những người bảo vệ nhân quyền ủng hộ cho một bên. Trong những trường hợp đó, những người đó thường bị xem là không phải người bảo vệ nhân quyền “thật”. Những người bảo vệ quyền của tù nhân chính trị hay bảo vệ quyền của những người thuộc các nhóm đối lập có vũ trang cũng thường bị các nhà cầm quyền coi là người ủng hộ các đảng phái hoặc các nhóm đó, chỉ bởi vì họ bảo vệ cho quyền của những người này. Điều này là sai. Người bảo vệ nhân quyền phải được xác định và chấp nhận dựa vào những quyền mà họ đang bảo vệ và căn cứ vào những quyền mà bản thân họ có để bảo vệ quyền con người.

Hành động một cách hòa bình

Cuối cùng, những hành động của người bảo vệ nhân quyền phải mang tính hòa bình để tuân theo Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền.

II. NHỮNG HÀNH ĐỘNG BẠO LỰC CHỐNG LẠI NGƯỜI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN VÀ NHỮNG KHÓ KHĂN HỌ PHẢI ĐỐI MẶT

Không phải người bảo vệ nhân quyền nào cũng phải chịu rủi ro trong công việc, và ở một số quốc gia, nhìn chung Người bảo vệ nhân quyền được bảo vệ tốt. Tuy nhiên, tính nghiêm trọng và quy mô của những hành vi trấn áp chống lại người bảo vệ nhân quyền chính là một trong những động lực chính để thông qua Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền cũng như việc thiết lập ra chức năng Đặc sứ của Tổng thư ký về người bảo vệ nhân quyền.

Đặc sứ đã bày tỏ sự quan ngại về tình hình của những người bảo vệ Nhân quyền ở tất cả các nước, gồm ở cả những nền dân chủ đang hình thành lẫn những quốc gia đã có những thiết chế và thực hành dân chủ lâu năm hay có truyền thống dân chủ. Tuy thế,

quan ngại lớn nhất vẫn là với các nước: (a) có nội chiến hoặc bất ổn dân sự nghiêm trọng; (b) việc đảm bảo và bảo vệ nhân quyền trên phương diện pháp lý và thể chế chưa được đảm bảo đầy đủ, hoặc không hề có những đảm bảo này.

Quyền con người của chính những Người bảo vệ nhân quyền đã bị vi phạm ở rất nhiều nơi trên khắp thế giới. Nhiều Người bảo vệ nhân quyền bị xử tử, bị tra tấn, đánh đập, bắt và giam giữ sai trái, đe dọa giết, quấy nhiễu và nhục mạ, cũng như bị hạn chế tự do đi lại, tự do biểu đạt, tự do hội họp và lập hội. Người bảo vệ nhân quyền là nạn nhân của những lời buộc tội sai trái, và những phiên tòa và bản án bất công. Những vi phạm nhân quyền chủ yếu nhằm đến hoặc là chính những Người bảo vệ nhân quyền, hoặc là tổ chức hoặc cơ cấu mà thông qua đó họ làm việc. Đôi khi, những vi phạm còn nhằm đến gia đình của người bảo vệ nhân quyền, như là một phương tiện gây sức ép lên người bảo vệ nhân quyền. Một số người bảo vệ nhân quyền phải chịu những rủi ro lớn hơn do bản chất của những quyền họ đang bảo vệ. Người bảo vệ quyền con người của phụ nữ đôi khi phải đối mặt với nhiều rủi ro mang đặc tính giới và cần sự chú ý đặc biệt. Trong nhiều trường hợp, những hành vi chống lại Người bảo vệ nhân quyền là vi phạm cả luật quốc tế và luật trong nước. Dù vậy, ở một số nước, quy định pháp luật trong nước mâu thuẫn với luật nhân quyền quốc tế, và những quy định đó được vận dụng chống lại Người bảo vệ nhân quyền.

A. Ví dụ về các hành vi chống lại Người bảo vệ nhân quyền

Phần này sẽ mô tả một số các hành vi vi phạm nhân quyền và những trở ngại mà Người bảo vệ Nhân quyền phải đối diện trong công việc của mình. Trong khi một số hành vi có thể chỉ diễn ra một lần, những hành vi đó thường có tác động lên người bảo vệ nhân quyền và gia đình họ trong nhiều tháng, thậm chí là nhiều năm sau đó. Đe dọa giết, ví dụ, có thể khiến người bảo vệ nhân quyền phải thay đổi hoàn toàn lịch sinh hoạt bình thường không chỉ của bản thân mà còn của cả gia đình thân cận, hay thậm chí phải rời bỏ đất nước mình để sống tỵ nạn ở nước ngoài.

Nhiều người bảo vệ nhân quyền đã bị **sát hại** để trả đũa công việc vì nhân quyền của họ. Những người bảo vệ nhân quyền bị những kẻ nặc danh bắt đi, hoặc đôi khi bị những người có danh tính rõ ràng thuộc lực lượng an ninh bắt đi, sau đó chỉ được tìm thấy khi đã chết, hoặc hoàn toàn mất tích. Người bảo vệ nhân quyền bị ám sát nhiều lần, bị thương nặng và cần phải nhập viện điều trị hoặc phẫu thuật.

Ở một số khu vực trên thế giới, **dọa giết** là một cách thức rất phổ biến nhằm đe dọa để khống chế người bảo vệ nhân quyền, ép họ chấm dứt công việc của mình. Những lời đe dọa thường là nặc danh, qua điện thoại hay thư nặc danh. Tuy nhiên, trong một vài trường hợp, người bảo vệ nhân quyền bị đe dọa biết rõ kẻ đe dọa, nhưng những kẻ đe dọa không bị cảnh sát điều tra hay buộc tội. Việc cảnh sát hay tòa án thiếu những hành động phù hợp nhằm đối phó với việc dọa giết đó tạo ra một môi trường miễn trừ trách

nhệm cho những kẻ vi phạm, môi trường ấy khuyến khích và nhân rộng những vi phạm đó.

Người bảo vệ nhân quyền đôi khi bị **bắt cóc** trong một thời gian ngắn hoặc dài, và bị **đánh đập** trong khoảng thời gian đó. Lực lượng vũ trang, cảnh sát và các quan chức an ninh đã thường dính líu vào những vụ đánh đập nghiêm trọng nhằm **tra tấn** những người bảo vệ nhân quyền để đẩy họ đến chỗ tự thú những tội không đúng, hoặc ép người bảo vệ nhân quyền phải rút những lời buộc tội với những vi phạm nhân quyền của lực lượng vũ trang. Việc **bắt và giam giữ trái phép** người bảo vệ nhân quyền là phổ biến và thường được tiến hành mà không có lệnh bắt và không có lời buộc tội chính thức nào. Thời gian tạm giam mà không có cân nhắc tư pháp nào đôi khi là rất dài trong điều kiện giam giữ tồi tệ. Đặc biệt, người bảo vệ nhân quyền dễ bị đánh đập, đối xử tàn tệ và bị tra tấn trong quá trình giam giữ.

Trong một số trường hợp, người bảo vệ nhân quyền là đối tượng bị **buộc tội hình sự hay những tội khác** dẫn đến **truy tố và kết án**. Biểu tình hòa bình, khiếu kiện chống lại những đối xử tàn tệ của cảnh sát, tham gia họp với những nhà hoạt động vì quyền của người bản địa hay treo một băng-rôn tưởng nhớ các nạn nhân bị vi phạm nhân quyền đều là những việc đã dẫn đến việc họ bị truy tố vì những tội khác nhau như nhận tiền, làm ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội hay quá khích kiểu hooligan. Những bản án cho những trường hợp này đã kết những án nhiều năm ngồi tù, buộc phải điều trị ở những cơ sở tâm thần, và “cải tạo qua lao động”.

Việc **sách nhiễu** người bảo vệ nhân quyền cũng rất phổ biến và những sách nhiễu đó thường không được biết đến. Những sách nhiễu này thường do nhà cầm quyền tiến hành và có thể ở trong nhiều hoàn cảnh khác nhau. Người bảo vệ nhân quyền bị theo dõi, và đường điện thoại của họ bị cắt hoặc bị ghi âm. Giấy tờ tùy thân của họ bị tịch thu nhằm ngăn chặn việc họ tham dự các diễn đàn nhân quyền. Các luật sư nhân quyền bị đe dọa rút giấy phép hành nghề hoặc bị điều tra. Người bảo vệ nhân quyền đã phải chịu sách nhiễu hành chính, ví dụ như phải chịu phạt nặng vì vô số kẻ những lỗi hành chính, hoặc phải báo cáo liên tục trong một giai đoạn dài với một nhân viên hành chính mà không có một lý do rõ ràng. Các chánh án bị rút khỏi những vụ việc nhất định, hoặc đột ngột bị chuyển đến một nhiệm vụ khác, khiến cho cả gia đình họ phải chuyển đến một vùng khác để sinh sống.

Người bảo vệ nhân quyền cũng đã từng là nạn nhân của các chiến dịch **bôi nhọ**, với những vu cáo trên các phương tiện truyền thông do Nhà nước kiểm soát bôi nhọ lên danh dự và đạo đức của họ. Các tổ chức phi chính phủ độc lập và các nhà báo công bố các vi phạm nhân quyền thì bị khiếu nại để tấn công vào uy tín của họ. Người bảo vệ nhân quyền và công việc của họ bị xuyên tạc công khai, bị mô tả như là khủng bố, nổi dậy hay là tay sai của các đảng chính trị đối lập. Nhà cầm quyền và các phương tiện truyền thông của nhà nước đã đánh đồng người bảo vệ nhân quyền với những người

mà người bảo vệ nhân quyền đứng ra bảo vệ quyền của họ. Ví dụ, người bảo vệ quyền của những người thuộc các nhóm vũ trang đối lập bị mô tả là có dính líu với những nhóm đó.

Những chính sách, quy định và thủ tục được coi là các biện pháp “**an ninh**” đôi khi được áp dụng theo cách thức để hạn chế công việc của người bảo vệ nhân quyền và thường nhằm vào chính những người bảo vệ nhân quyền. Với danh nghĩa đảm bảo an ninh, người bảo vệ nhân quyền bị cấm rời khỏi nơi cư trú, và cảnh sát cùng những thành viên khác của lực lượng vũ trang ngăn cản những người bảo vệ nhân quyền đi khỏi văn phòng làm việc, đe dọa họ hay ra lệnh chấm dứt mọi hoạt động nhân quyền của họ. Người bảo vệ nhân quyền đã bị truy tố và kết án dựa vào những quy định mập mờ về an ninh và phải chịu những hình phạt tù nặng nề.

Bên cạnh những vi phạm nhằm vào các cá nhân, một vài Nhà nước có xu hướng rõ ràng thể hiện một chiến lược **hạn chế môi trường hoạt động của những người bảo vệ nhân quyền**. Các tổ chức bị đóng cửa vì những lý do không chính đáng, các nguồn tài chính bị cắt giảm hoặc bị hạn chế một cách tùy tiện; và những nỗ lực để đăng ký một tổ chức có chức năng liên quan đến nhân quyền cố tình bị trì hoãn về hành chính. Cơ quan nhà nước **ngăn cản những buổi gặp mặt** giữa những người bảo vệ nhân quyền và ngăn cản họ đi lại để điều tra những vụ việc nhân quyền.

Những biện pháp như đưa ra và thực thi **các điều luật hạn chế việc thực thi một cách chính đáng** các quyền tự do quan điểm và biểu đạt, tự do tôn giáo tín ngưỡng, tự do hiệp hội và đi lại, ví dụ với các luật về đăng ký và kiểm soát hoạt động của các tổ chức phi chính phủ, hay các quy định pháp luật cấm hay ngăn cản việc nhận viện trợ nước ngoài cho các hoạt động nhân quyền đều đã được dùng để sách nhiễu và ngăn cản công việc của những người bảo vệ nhân quyền.

Một số nỗ lực ngăn cản công việc của người bảo vệ nhân quyền nhắm vào nơi làm việc hoặc phương tiện làm việc của họ. Các **văn phòng** hay **nhà ở** của người bảo vệ nhân quyền là mục tiêu **tấn công, đột nhập và lục soát bất hợp pháp**. Trụ sở làm việc của những người bảo vệ nhân quyền bị chính quyền đóng cửa, và tài khoản ngân hàng của người bảo vệ nhân quyền bị đóng băng. Phương tiện và tài liệu của họ, bao gồm máy tính, tài liệu, ảnh và băng đĩa bị đánh cắp hay tịch thu. Tiếp cận với internet và email quốc tế bị hạn chế hoặc bị ngăn chặn hoàn toàn.

Tất cả những vi phạm quyền của người bảo vệ nhân quyền nêu trên đều góp phần tạo ra một văn hóa “không phải chịu trách nhiệm” về những hành vi chống lại người bảo vệ nhân quyền đang tồn tại ở nhiều nước.

B. Tình trạng của những phụ nữ bảo vệ nhân quyền

Những phụ nữ bảo vệ nhân quyền đã phải đối mặt với tất cả những loại hành vi mô tả trong phần A trên đây. Tuy nhiên, những tình huống cũng như vai trò đặc thù của họ đòi hỏi phải có những hiểu biết đặc biệt và sự nhạy cảm cả với việc họ có thể bị ảnh hưởng như thế nào từ những sức ép như trên và, ngoài ra, còn có những thách thức khác. Cần đảm bảo rằng những người bảo vệ nhân quyền, nam cũng như nữ, cần phải được bảo vệ và ủng hộ trong công việc của họ. Đặc biệt là những phụ nữ bảo vệ nhân quyền phải được công nhận đầy đủ và xứng đáng.

Phần này sẽ đưa ra một số ví dụ (không thể coi là đầy đủ) về những cách thức mà phụ nữ bảo vệ nhân quyền có thể phải đối mặt với những sức ép khác nhau, đặc biệt khi phải đối đầu với nam giới, và vì thế họ cần phải được bảo vệ đặc biệt.

Như mô tả trong phần C bên dưới, Nhà nước có thể là tác nhân chính gây ra những vi phạm với người bảo vệ nhân quyền. Tuy vậy, với phụ nữ bảo vệ nhân quyền, quyền của họ thường bị vi phạm bởi chính những thành viên trong cộng đồng của họ, những người có thể ghen ghét và chống lại những hoạt động nhân quyền của họ. Một số người lãnh đạo cộng đồng có thể coi các hoạt động bảo vệ nhân quyền đó là thách thức quan niệm của họ về vai trò truyền thống của phụ nữ. Trong những trường hợp đó, các cơ quan nhà nước thường không đảm bảo được những biện pháp bảo vệ thích đáng cho những phụ nữ bảo vệ nhân quyền và công việc của họ khỏi những thế lực xã hội đe dọa họ.

Ở nhiều nơi trên thế giới, vai trò truyền thống của phụ nữ được nhìn nhận như một phần không thể tách rời khỏi văn hóa của một xã hội. Quan niệm này đặc biệt nặng nề đối với những phụ nữ bảo vệ nhân quyền khi họ chất vấn và phản đối những khía cạnh của truyền thống và văn hóa nào vi phạm quyền con người. Một ví dụ tiêu biểu về những hành động theo truyền thống và văn hóa vi phạm quyền con người là việc cất âm vật, bên cạnh nhiều những ví dụ khác.

Tương tự, nhiều cộng đồng xem phụ nữ là một phần mở rộng trong cộng đồng của họ. Nếu một phụ nữ bảo vệ nhân quyền là nạn nhân của một vụ cưỡng hiếp do công việc của mình, người phụ nữ ấy có thể bị gia đình và họ hàng coi là đã mang lại nỗi nhục nhã cho cả gia đình và cộng đồng. Là một người bảo vệ nhân quyền, chị phải mang gánh nặng không chỉ là nỗi đau đớn khổ ải bị cưỡng bức, mà còn gánh nặng quan niệm của cộng đồng mình rằng, vì những công việc về nhân quyền đó, chị đã mang lại nỗi nhục cho những người xung quanh. Ngay cả khi không bị cưỡng bức hay tấn công, những phụ nữ lựa chọn làm người bảo vệ nhân quyền thường phải đối mặt với sự tức giận của các gia đình và cộng đồng cho rằng họ đã làm ảnh hưởng đến cả danh dự và văn hóa của cộng đồng. Áp lực bắt họ chấm dứt công việc nhân quyền có thể rất mạnh.

Những phụ nữ bảo vệ nhân quyền đang có trách nhiệm chăm sóc con nhỏ hay cha mẹ già hàng ngày thường thấy khó có thể tiếp tục công việc của mình vì họ biết nếu họ bị bắt hay giam giữ, họ sẽ không thể đảm nhận được vai trò trong gia đình của mình được nữa. Đây vẫn là mối lo chính của những phụ nữ bảo vệ nhân quyền, mặc dù khắp nơi trên thế giới, nam giới ngày càng chia sẻ trách nhiệm chăm lo cho những người phụ thuộc trong gia đình. Mặt khác, phụ nữ cũng lấy chính vai trò làm mẹ, làm người chăm sóc những người khác trong gia đình để tăng cường công việc bảo vệ nhân quyền của mình, ví dụ “các bà mẹ có con mất tích” đã lập nên các tổ chức nhân quyền. Tư cách là mẹ của các nạn nhân bị vi phạm nhân quyền tạo nên những điểm chung để đoàn kết họ với nhau và là một công cụ có sức thuyết phục rất lớn của những người phụ nữ bảo vệ nhân quyền đó.

Tính chất phức tạp của một vấn đề nhân quyền cụ thể đôi khi có thể tạo ra sức ép riêng lên những phụ nữ bảo vệ nhân quyền. Trong nhiều nền văn hóa, yêu cầu phụ nữ phải đứng sau đàn ông trong đời sống công cộng có thể là một trở ngại khi họ công khai chất vấn những hành vi vi phạm nhân quyền của đàn ông. Tương tự, người ta thường lấy một số cách diễn giải các văn bản tôn giáo để đưa ra luật lệ hay các quy tắc hành xử có ảnh hưởng lớn đến nhân quyền. Phụ nữ bảo vệ nhân quyền muốn thách thức những luật lệ hay quy tắc hành xử này vì những ảnh hưởng tiêu cực lên nhân quyền thường bị cản trở, vì là phụ nữ, họ thường không được coi là có tư cách diễn giải những văn bản tôn giáo. Những người phụ nữ bảo vệ nhân quyền, vì thế, không được tham gia một cách bình đẳng với nam giới trong việc xem xét những lập luận chính được sử dụng chống lại phụ nữ. Lại nữa, họ cũng có thể phải chịu sự thù địch của chính cộng đồng mà họ vẫn phải tiếp tục chung sống trong đó.

Những thách thức với phụ nữ bảo vệ nhân quyền nhiều khi cần được phân tích và hiểu rộng hơn những thách thức đối với nam giới.

C. Những người vi phạm quyền của những người bảo vệ nhân quyền

Các cơ quan nhà nước thường là bên vi phạm phổ biến nhất đối với người bảo vệ nhân quyền, mặc dù chính quyền phải chịu trách nhiệm căn bản trong việc đảm bảo người bảo vệ nhân quyền được bảo vệ. Tuy nhiên, nhiều “tác nhân phi nhà nước” cũng gây ra, hoặc có ảnh hưởng lên những hành vi chống lại người bảo vệ nhân quyền và cũng cần lưu ý trách nhiệm của những bên đó.

1. Các cơ quan nhà nước

Khó có thể đưa ra một danh sách đầy đủ các cơ quan nhà nước đã liên quan đến những vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền. Tuy nhiên, cần lưu ý một số ví dụ cần thiết, và nhấn mạnh rằng, thông thường, khi một cơ quan nhà nước là bên vi phạm thì các cơ quan khác thường đồng lõa với sự vi phạm vì các cơ quan đó đã không ngăn chặn hay có phản ứng với hành động vi phạm đã diễn ra. Trong trường hợp này, các cơ quan nhà nước cần được hiểu là bao gồm nhiều loại cơ quan có thẩm quyền trong

hệ thống tổ chức nhà nước cũng như cấp độ chính trị, bao gồm cả các cơ quan ở địa phương cũng như trung ương.

Cảnh sát và các lực lượng an ninh là bên vi phạm nhân quyền dễ nhận thấy nhất qua các hành vi như bắt giam sai trái, khám xét bất hợp pháp hay các hành vi bạo lực thân thể. Tuy nhiên, các cơ quan nhà nước khác thường cũng có liên quan. Ví dụ, khi một vụ bắt giữ vi phạm các chuẩn mực quốc tế được tiến hành bằng một lệnh bắt giữ do chính quyền địa phương đưa ra và dẫn đến việc truy tố và kết tội, những thành viên của tòa và các luật sư của Nhà nước có thể đồng lõa với việc vi phạm quyền của của một người bảo vệ nhân quyền.

Khi các luật hay các quy định hành chính được áp dụng một cách phi lý để ngăn cản những người bảo vệ nhân quyền đăng ký các tổ chức phi chính phủ hay ngăn cản họ gặp nhau, cơ quan dân sự có trách nhiệm áp dụng những quy định và luật đó phải chịu trách nhiệm chính. Thông thường, nhiều cơ quan chính quyền cố ép những người bảo vệ nhân quyền vào các “vi phạm” hành chính và dùng đó làm cớ để sau đó bắt, giam giữ và kết tội.

Khó có thể xác định rõ những người gây ra một số hành động chống lại người bảo vệ nhân quyền, ví dụ như việc dọa giết một cách nặc danh. Trong những tình huống đó, các cơ quan nhà nước liên quan chịu trách nhiệm điều tra hành vi đã diễn ra, tạo những biện pháp bảo vệ tạm thời nếu cần và truy tố những người phải chịu trách nhiệm. Nếu các cơ quan Nhà nước không làm tròn được trách nhiệm này, họ đã vi phạm nghĩa vụ của mình. Thực tế là, cảnh sát ở một số nước đôi khi từ chối hành động, hoặc thậm chí từ chối tiếp nhận những khiếu nại hay báo cáo về những vụ việc tấn công chống lại người bảo vệ nhân quyền, và tòa án thì do dự trong việc đưa những người gây ra các hành vi nói trên ra xét xử.

Việc các cơ quan có thẩm quyền không hành động đôi khi dẫn đến tình trạng một vi phạm sẽ tiếp diễn hay lặp lại và trở nên trầm trọng hơn, thậm chí những lời đe dọa giết có thể thực sự trở thành một vụ sát hại một người bảo vệ nhân quyền.

2. Các tác nhân khác bên ngoài khu vực Nhà nước

Nhóm tác nhân “bên ngoài khu vực Nhà nước” rất rộng và bao gồm cả các nhóm vũ trang, doanh nghiệp – ví dụ như các công ty xuyên quốc gia, và các cá nhân. Trong khi Nhà nước có trách nhiệm chính trong việc bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền, cần phải nhận rõ rằng các tác nhân bên ngoài Nhà nước có thể phải chịu trách nhiệm với những hành vi chống lại người bảo vệ nhân quyền, dù có hay không có sự đồng lõa của Nhà nước.

Các nhóm vũ trang đã từng sử dụng các cách như giết người, bắt cóc và đe dọa giết, cùng nhiều cách khác, làm chiến thuật thông thường để bắt người bảo vệ nhân quyền phải im lặng. Một số nhóm này hoạt động dưới sự cho phép của Nhà nước, ví dụ như

các lực lượng bán vũ trang thuộc Nhà nước, trong khi một số nhóm có thể là nhóm vũ trang đối lập với Nhà nước.

Các lợi ích kinh tế tư nhân – ví dụ các công ty đa quốc gia hay các chủ đất lớn – ngày càng có tác động lên các quyền kinh tế và xã hội của những người sinh sống trong những cộng đồng mà các chủ thể này có hoạt động. Ở một số nước, khi những người bảo vệ nhân quyền tổ chức các cuộc biểu tình hòa bình chống lại những tác động nhân quyền tiêu cực của các công ty đa quốc gia, các lực lượng an ninh đã dùng bạo lực để trấn áp những cuộc biểu tình này. Ở một số trường hợp khác, cơ quan có thẩm quyền đã thất bại trong việc can thiệp khi những cá nhân không được biết đến, bị nghi là có hành vi vì lợi ích kinh tế tư nhân, đã tấn công những người bảo vệ nhân quyền. Đặc sứ về Người bảo vệ Nhân quyền của Tổng thư ký Liên Hợp Quốc đã lưu ý rằng, trong một số trường hợp tấn công đó, sự đồng lõa và trách nhiệm của các chủ thể kinh tế tư nhân là rõ ràng và phải được nhận rõ.

Ở một số ví dụ khác về tác nhân ngoài khu vực Nhà nước, những người bảo vệ nhân quyền đã trở thành nạn nhân của các vụ giết người đánh đập và đe dọa bởi các hiệp hội tôn giáo, những người lãnh đạo cộng đồng hay bộ tộc, và kể cả của chính thành viên gia đình họ do kết quả trực tiếp của những công việc liên quan đến nhân quyền.

3. Vai trò tích cực của Nhà nước và các tác nhân ngoài khu vực Nhà nước

Ở nhiều nước, nghĩa vụ tôn trọng, bảo vệ và thực hiện nhân quyền nhìn chung được thực thi hiệu quả; và ở hầu hết mỗi Nhà nước, ít nhất, luôn có các cá nhân trong lực lượng an ninh và chính quyền dân sự đã rất nỗ lực trong công việc để bảo vệ quyền con người, và chính họ cũng đang đóng vai trò Người bảo vệ nhân quyền. Ở một số trường hợp, các sỹ quan cảnh sát, chánh án, các công chức dân sự của các cơ quan Nhà nước và các chính trị gia đã đặt mình vào những hoàn cảnh rủi ro để bảo vệ quyền con người của những người khác, để ủng hộ công lý và để chấm dứt tham nhũng.

Tương tự, mặc dù một số tác nhân thuộc khu vực tư nhân là những người gây ra những vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền, nhiều người khác đang có những hỗ trợ căn bản để giải quyết những hành vi vi phạm. Các công ty đa quốc gia có thể là một lực lượng quan trọng trong việc đảm bảo các quyền được tôn trọng, và một số công ty đã đưa ra những chính sách lao động tốt, cũng như đóng góp vào việc làm cho tình hình kinh tế xã hội tại nơi họ làm ăn trở nên sống động hơn. Các nhà lãnh đạo tôn giáo thường vẫn đứng ở tuyến đầu hành động để bảo vệ các quyền con người và bảo vệ cả những người bảo vệ nhân quyền.

Trong nhiều trường hợp, khó có thể phân định rõ ràng giữa những tác nhân tích cực hay tiêu cực bên ngoài khu vực nhà nước. Lợi ích kinh tế có thể đóng góp tích cực cho một số quyền con người, đồng thời có tác động tiêu cực lên một số quyền khác. Vì thế, cần phải nhìn nhận các doanh nghiệp và các tác nhân khác phản ứng như thế nào với

những người bảo vệ nhân quyền đang muốn thu hút sự chú ý đến những tác động tiêu cực lên nhân quyền của những hoạt động của doanh nghiệp.

III. LIÊN HIỆP QUỐC BẢO VỆ NGƯỜI BẢO VỆ NHÂN QUYỀN VÀ HỖ TRỢ CÔNG VIỆC CỦA HỌ

Những hoạt động của Liên Hợp Quốc đứng về phía Người bảo vệ nhân quyền được xây dựng dựa trên những cơ sở sau:

- ❖ Việc thực thi các tiêu chuẩn quốc tế về nhân quyền ở nhiều nước phụ thuộc rất lớn vào sự đóng góp của các cá nhân và nhóm (làm việc bên trong cũng như bên ngoài khu vực Nhà nước), và việc ủng hộ những người bảo vệ nhân quyền là nền tảng cơ bản để đạt được sự tôn trọng phổ quát với các quyền con người;
- ❖ Khi chính phủ, luật pháp trong nước, cảnh sát, tư pháp và Nhà nước nhìn chung không có những biện pháp bảo vệ chống lại các vi phạm nhân quyền ở một nước, những người bảo vệ nhân quyền trở thành hàng rào bảo vệ cuối cùng;
- ❖ Người bảo vệ nhân quyền thường là mục tiêu của những vi phạm chính bởi vì công việc về nhân quyền của họ và bản thân họ cũng cần sự bảo vệ.

Việc công nhận vai trò quan trọng của những người bảo vệ nhân quyền và các vi phạm mà nhiều người bảo vệ nhân quyền phải đối diện đã khiến Liên Hợp Quốc tin rằng cần có những nỗ lực đặc biệt để bảo vệ cả người bảo vệ nhân quyền và những hoạt động của họ.

Bước đầu tiên là chính thức định nghĩa “bảo vệ” nhân quyền cũng chính là một quyền và công nhận những người tiến hành các công việc về nhân quyền là “Người bảo vệ nhân quyền”. Ngày 09 tháng 12 năm 1998, bằng nghị quyết 53/144, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc đã thông qua Tuyên bố về Quyền và Trách nhiệm của các cá nhân, nhóm và các bộ phận của xã hội trong việc thúc đẩy và bảo vệ những quyền con người và tự do căn bản đã được công nhận trên toàn cầu (thường được gọi là “Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền”). Bước thứ hai đã được tiến hành vào tháng 4 năm 2000, khi Ủy ban Nhân quyền của Liên Hợp Quốc đề nghị Tổng thư ký Liên Hợp Quốc bổ nhiệm một Đặc sứ về người bảo vệ nhân quyền để giám sát và hỗ trợ việc thực hiện Tuyên bố.

Một bản giải trình chi tiết về Tuyên bố được đưa vào báo cáo của Tổng thư ký trước Ủy ban Nhân quyền tại kỳ họp thứ 56, năm 2000 (E/CN.4/2000/95). Báo cáo này cũng bao gồm các đề xuất với việc thực hiện Tuyên bố.

A. Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền

Việc soạn thảo Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền bắt đầu năm 1984 và hoàn tất với việc nguyên văn Tuyên bố được Đại hội đồng thông qua năm 1988, nhân dịp kỷ niệm thứ 50 Tuyên ngôn Nhân quyền toàn cầu. Nỗ lực chung của một số các tổ chức

phi chính phủ về nhân quyền và các phái đoàn của một số nước đã đảm bảo rằng kết quả cuối cùng – bản Tuyên bố - là một văn bản mạnh mẽ, hữu ích và thực tế. Có lẽ, quan trọng nhất là Tuyên bố đã không chỉ dành cho Nhà nước hay cho những người bảo vệ nhân quyền, mà hướng đến tất cả mọi người. Tuyên bố nói rằng tất cả chúng ta đều có vai trò làm người bảo vệ nhân quyền, và nhấn mạnh rằng có một phong trào toàn cầu về nhân quyền bao gồm tất cả chúng ta.

1. Đặc điểm pháp lý

Tuyên bố, về bản chất, không phải là một công cụ pháp lý mang tính bắt buộc. Tuy nhiên, nó bao gồm một chuỗi các nguyên tắc và quyền trên cơ sở các tiêu chuẩn về quyền con người đặt trong các công ước quốc tế khác có tính bắt buộc về pháp lý – như Công ước quốc tế về các quyền Dân sự và Chính trị. Bên cạnh đó, Tuyên bố đã được thông qua với sự đồng thuận của Đại hội đồng, vì thế, tuyên bố đại diện cho một cam kết thực thi mạnh mẽ của các Nhà nước. Các nhà nước ngày càng có xu hướng coi việc thông qua một Tuyên bố là có tính ràng buộc với khung pháp lý trong nước.

2. Các điều khoản trong Tuyên bố

Tuyên bố đưa ra sự ủng hộ và bảo vệ người bảo vệ nhân quyền trong bối cảnh công việc của họ. Tuyên bố không tạo ra những quyền mới, mà diễn giải các quyền hiện có theo cách để có thể dễ áp dụng những quyền này với vai trò thực tế cũng như hoàn cảnh của những người bảo vệ nhân quyền. Tuyên bố chú trọng đến, ví dụ, với việc tiếp cận các nguồn quỹ của các tổ chức của những người bảo vệ nhân quyền và với việc tập hợp hay trao đổi thông tin về các tiêu chuẩn nhân quyền cũng như những vi phạm với các tiêu chuẩn đó. Tuyên bố đưa ra những nghĩa vụ cụ thể với Nhà nước và trách nhiệm của mọi người trong việc bảo vệ nhân quyền, đồng thời giải thích mối quan hệ với luật pháp trong nước. Hầu hết các điều khoản của Tuyên bố được tóm tắt trong những đoạn sau.

Cần nhấn mạnh rằng, theo Tuyên bố, những người bảo vệ nhân quyền có một nghĩa vụ là tiến hành các hoạt động một cách hòa bình.

(a) Quyền của người bảo vệ nhân quyền và việc bảo vệ người bảo vệ nhân quyền

Các điều 1, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 12 và 13 của Tuyên bố đưa ra việc bảo vệ Người bảo vệ nhân quyền, bao gồm những quyền sau:

- ❖ Tìm biện pháp bảo vệ và thực hiện nhân quyền ở các cấp quốc gia và quốc tế;
- ❖ Tiến hành công việc về nhân quyền với tư cách cá nhân và hiệp hội cùng với những người khác;
- ❖ Thành lập các hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ;
- ❖ Gặp gỡ và trao đổi một cách hòa bình;

- ❖ Tìm kiếm, thu nhận, nhận và lưu giữ thông tin liên quan đến nhân quyền;
- ❖ Xây dựng và thảo luận những ý tưởng và nguyên tắc mới về nhân quyền, và vận động cho việc chấp thuận những ý tưởng và nguyên tắc đó;
- ❖ Trình lên các cơ quan chính phủ và các tổ chức của Nhà nước có liên quan đến quan hệ công những lời phê phán và đề xuất cải thiện chức năng của các cơ quan này, cũng như tạo sự chú ý đến bất kỳ khía cạnh nào trong công việc của những cơ quan tổ chức này có thể làm ảnh hưởng đến việc thực thi các quyền con người;
- ❖ Khiếu nại về các chính sách chính thống và những hành động liên quan đến nhân quyền, và có quyền đối với việc các khiếu nại này được tiếp nhận và xem xét;
- ❖ Cung cấp hỗ trợ pháp lý đạt yêu cầu và những tư vấn và hỗ trợ khác trong việc bảo vệ nhân quyền;
- ❖ Tham dự các buổi điều trần, các thủ tục và phiên tòa nhằm đánh giá sự tuân thủ với luật pháp quốc gia và các nghĩa vụ nhân quyền quốc tế;
- ❖ Tiếp cận và thông tin với các tổ chức phi chính phủ và các tổ chức liên chính phủ mà không có sự cản trở nào;
- ❖ Sử dụng các biện pháp khắc phục một cách hiệu quả;
- ❖ Thực hành nghề nghiệp của người bảo vệ nhân quyền được pháp luật công nhận;
- ❖ Bảo vệ một cách hiệu quả theo pháp luật trong nước với những phản ứng hay phản đối bằng biện pháp ôn hòa với việc hành động hay không hành động của Nhà nước dẫn đến việc vi phạm nhân quyền;
- ❖ Đề nghị, nhận và sử dụng các nguồn lực vì mục đích bảo vệ nhân quyền (bao gồm việc nhận các nguồn quỹ từ nước ngoài).

(b) Nghĩa vụ của Nhà nước

Nhà nước có trách nhiệm thực hiện và tôn trọng tất cả các điều khoản của Tuyên bố. Tuy nhiên, các điều 2, 9, 12, 14 và 15 đưa ra những tham chiếu chi tiết về vai trò của Nhà nước và nêu rõ rằng mỗi Nhà nước có các trách nhiệm và nghĩa vụ:

- ❖ Bảo vệ, thúc đẩy và thực hiện tất cả các quyền con người;
- ❖ Đảm bảo rằng, tất cả mọi người trong phạm vi tài phán có thể thụ hưởng mọi quyền và tự do về kinh tế, chính trị và các quyền khác trong thực tế;

- ❖ Thông qua những quy định pháp lý, hành chính và các bước cần thiết khác để đảm bảo việc thực thi hiệu quả các quyền và tự do;
- ❖ Cung cấp các biện pháp khắc phục hữu hiệu với những người khiếu nại rằng họ là nạn nhân của một vi phạm nhân quyền;
- ❖ Tiến hành điều tra nhanh chóng và công bằng với những vi phạm nhân quyền được tố giác;
- ❖ Tiến hành mọi biện pháp cần thiết để đảm bảo việc bảo vệ tất cả mọi người khỏi bạo lực, đe dọa, trả thù, phân biệt đối xử tồi tệ, áp lực hay bất kỳ hành động sai trái nào như là hậu quả việc người đó thực hiện các quyền chính đáng được nêu ra trong Tuyên bố;
- ❖ Thúc đẩy nhận thức chung của mọi người về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa;
- ❖ Đảm bảo và hỗ trợ việc tạo ra và phát triển các thiết chế độc lập trong nước để thúc đẩy và bảo vệ nhân quyền, ví dụ như thanh tra nhân quyền (ombudsmen) hay các ủy ban nhân quyền;
- ❖ Thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc dạy về nhân quyền ở tất cả các bậc học và đào tạo nghề nghiệp.

(c) Trách nhiệm của mọi người

Tuyên bố nhấn mạnh rằng mọi người đều có các nghĩa vụ đối với cộng đồng và trong cộng đồng, đồng thời khuyến khích tất cả chúng ta trở thành người bảo vệ nhân quyền.

Các điều 10, 11 và 18 đưa ra trách nhiệm của mọi người trong việc thúc đẩy nhân quyền, đảm bảo dân chủ và những thiết chế dân chủ, và không vi phạm quyền của người khác. Điều 11 đặc biệt nêu ra trách nhiệm của những cá nhân đang có vai trò nghề nghiệp có thể ảnh hưởng đến quyền con người của những người khác, và đặc biệt liên quan đến những nghề như cảnh sát, luật sư, chánh án, vv.

(d) Vai trò của luật pháp trong nước

Điều 3 và 4 đưa ra mối quan hệ giữa Tuyên bố với luật quốc gia và quốc tế theo quan điểm là đảm bảo việc áp dụng tiêu chuẩn pháp lý về nhân quyền cao nhất có thể.

B. Đặc sứ của Tổng thư ký về người bảo vệ nhân quyền

Trong nghị quyết 2000/61 ngày 26 tháng 4 năm 2000, Ủy ban Nhân quyền đã yêu cầu Tổng thư ký bổ nhiệm một đại diện về Người bảo vệ nhân quyền. Mục đích của Ủy ban là để tạo ra sự hỗ trợ với việc thực hiện Tuyên bố và thu thập thông tin về tình hình của những người bảo vệ nhân quyền trên toàn thế giới. Vào tháng 8/2000, bà Hina Jilani đã được Tổng thư ký bổ nhiệm là người đầu tiên đảm nhiệm vị trí này.

1. Chức năng chính thức của Đặc sứ

Đặc sứ tiến hành các hoạt động một cách hoàn toàn độc lập với bất kỳ Nhà nước nào, không phải là một nhân viên của Liên Hợp Quốc, và không nhận lương. Chức năng của Đặc sứ, như được nêu trong đoạn 3 Nghị quyết 2000/61 của Ủy ban Nhân quyền, là tiến hành những hoạt động sau:

(a) Tìm kiếm, tiếp nhận, xem xét và trả lời những thông tin về tình trạng và quyền của bất kỳ ai hành động với tư cách cá nhân hay hiệp hội với người khác để thúc đẩy và bảo vệ các quyền và tự do căn bản của con người;

(b) Thiết lập sự hợp tác và tiến hành đối thoại với các chính phủ và các bên khác có quan tâm đến việc thúc đẩy và thực hiện hiệu quả Tuyên bố;

(c) Khuyến nghị các chiến lược hiệu quả hơn để bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền, và theo đuổi những khuyến nghị này;

Ủy ban Nhân quyền đề nghị tất cả các Chính phủ hợp tác với và hỗ trợ Đặc sứ và cung cấp mọi thông tin được yêu cầu. Đặc sứ được yêu cầu trình các báo cáo thường niên lên Ủy ban⁵ và lên Đại hội đồng.

2. Những hoạt động thực tế của Đặc sứ

Chức năng chính thức Đặc sứ rất rộng, từ việc xác định các chiến lược, ưu tiên và các hoạt động đến việc thực hiện các chiến lược, ưu tiên và hoạt động đó. Việc “bảo vệ” người bảo vệ nhân quyền là mối quan tâm trọng điểm của Đặc sứ. Việc bảo vệ được hiểu là bao gồm bảo vệ chính những người bảo vệ nhân quyền, và bảo vệ quyền của họ đối với việc bảo vệ nhân quyền.

Đặc sứ dùng mọi nỗ lực để đảm bảo rằng mỗi Nhà nước sẽ áp dụng cùng các tiêu chuẩn một cách bình đẳng, và đảm bảo tính chất toàn cầu trong nhiệm vụ của mình. Nhiều hoạt động trên diện rộng đã được tiến hành, mặc dù cũng hay có sự trùng lặp, nhưng các hoạt động hướng đến một số mục đích khác nhau:

(a) Liên lạc với những người bảo vệ nhân quyền

Trước hết và quan trọng nhất, Đặc sứ cố gắng để người bảo vệ nhân quyền có thể tiếp xúc được với Đặc sứ, thông qua:

❖ Sẵn sàng tiếp nhận thông tin từ những người bảo vệ nhân quyền, bao gồm các tố giác về các vi phạm nhân quyền chống lại họ (xem phần “(d) Các trường hợp cá nhân” bên dưới), và dùng những thông tin này để xác định các mối quan tâm cần nêu lên với Nhà nước;

⁵ Hiện nay là Hội đồng Nhân quyền (Chú thích của người dịch).

❖ Thường xuyên tham dự những sự kiện nhân quyền ở cấp quốc gia, khu vực và quốc tế (bao gồm các kỳ họp hàng năm của Hội đồng Nhân quyền), để có cơ hội liên lạc với những người bảo vệ nhân quyền ở khắp nơi trên thế giới.

(b) Liên lạc với Nhà nước

Đặc sứ duy trì liên lạc thường xuyên với Nhà nước.

Liên lạc chung được tiến hành qua các diễn đàn như các kỳ họp thường kỳ của Hội đồng Nhân quyền ở Geneva và Đại hội đồng ở New York, trong đó Đặc sứ trình bày các báo cáo thường niên trước các Nhà nước, trả lời các câu hỏi và có thể gặp riêng với các phái đoàn để thảo luận những vấn đề quan tâm, bao gồm các vụ việc cá nhân. Những liên lạc cụ thể khác được tiến hành song phương qua các cuộc gặp hoặc bằng thư từ, qua đó Đặc sứ nêu các vấn đề cụ thể cần quan tâm với từng Nhà nước và tìm kiếm sự hỗ trợ của Nhà nước, ví dụ, trong việc giải quyết một vụ việc hay để có được một lời mời đến thăm.

(c) Liên lạc với những tác nhân quan trọng khác

Đặc sứ gặp, trong suốt năm, với nhiều tác nhân khác liên quan đến chức năng và hoạt động của mình, bao gồm các nghị viện; các tổ chức liên chính phủ khu vực; và các nhóm Nhà nước có cam kết cải thiện vai trò và tình trạng của những người bảo vệ nhân quyền.

(d) Các trường hợp cá nhân

Đặc sứ nêu ra với Nhà nước có liên quan về các vụ việc cụ thể vi phạm nhân quyền với người bảo vệ nhân quyền. Thông tin về các vụ việc này được chuyển tới từ nhiều nguồn, bao gồm các cơ quan nhà nước, các tổ chức phi chính phủ, các cơ quan của Liên Hợp Quốc, báo chí và những người bảo vệ nhân quyền.

Khi nhận được thông tin, trước hết Đặc sứ sẽ xác định xem thông tin này có nằm trong phạm vi chức năng của mình không. Thứ hai, Đặc sứ sẽ tiến hành mọi nỗ lực để xác minh tin báo về vi phạm nhân quyền và về độ tin cậy của nguồn tin. Thứ ba, Đặc sứ sẽ liên lạc với Chính phủ của Nhà nước nơi được báo là có vi phạm nhân quyền. Việc liên lạc thường được tiến hành hoặc qua một thư “hành động khẩn” hay một Thư “báo tin” gửi Bộ trưởng Ngoại giao của Nhà nước đó và đồng gửi đến phái đoàn ngoại giao nước đó tại Liên Hợp Quốc ở Geneva. Thư này sẽ cung cấp các chi tiết về nạn nhân, những quan ngại về nhân quyền và về các sự kiện được thông báo. Mục đích của lá thư là để đảm bảo rằng các cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước được thông tin về tin báo càng sớm càng tốt và để họ có cơ hội điều tra cũng như chấm dứt hay ngăn chặn bất kỳ vi phạm nhân quyền nào.

❖ Thư “Hành động khẩn” được dùng để thông tin về một vi phạm được báo là đang diễn ra hay sẽ xảy ra. Mục đích là để cơ quan có thẩm quyền phù hợp của Nhà nước

được thông báo càng nhanh càng tốt về tình hình để họ có thể can thiệp nhằm chấm dứt hay ngăn chặn một vi phạm. Ví dụ, tin báo về một lời đe dọa giết một luật sư nhân quyền để phản ứng với công việc về nhân quyền của người ấy cần được giải quyết thông qua một thư “hành động khẩn”.

❖ Thư “Báo tin” được dùng để thông tin về những vi phạm được báo là đã xảy ra, với những tác động lên người bảo vệ nhân quyền bị ảnh hưởng sẽ không thể thay đổi được nữa. Loại thư này được dùng, ví dụ, trong những trường hợp thông tin đến được với Đặc sứ một thời gian sau khi việc vi phạm nhân quyền đã xảy ra và đã kết thúc. Ví dụ, khi một người bảo vệ nhân quyền đã bị giết, sự việc này sẽ được nêu ra với Nhà nước thông qua một thư “báo tin”.

Với cả hai loại văn bản này, Đặc sứ yêu cầu Chính phủ liên quan phải tiến hành tất cả các hành động phù hợp để điều tra và giải quyết sự việc được thông báo và thông báo kết quả điều tra và hành động của mình. Các thư báo tin chú trọng vào việc yêu cầu các cơ quan Nhà nước điều tra sự việc và tiến hành việc truy cứu trách nhiệm hình sự với những người có trách nhiệm. Những thư gửi đến các Chính phủ đều được giữ kín cho đến cuối năm báo cáo, khi Đặc sứ trình một báo cáo thường niên lên Hội đồng Nhân quyền về các trao đổi với các chính phủ về những vụ việc cụ thể.

Đặc sứ thường xuyên tham vấn với các báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc, những người có chức năng liên quan đến một vụ việc cụ thể và thường gửi chung thư quan ngại với các báo cáo viên đặc biệt này.

Phụ lục II của tài liệu này bao gồm các hướng dẫn về những thông tin Đặc sứ yêu cầu để làm căn cứ hành động với một vụ việc, và cách thức nộp thông tin.

(e) Chuyến thăm đến một nước

Đặc sứ có chức năng tiến hành các chuyến thăm chính thức đến các Nhà nước.

Một số Nhà nước đưa ra lời mời ngỏ, và trong những trường hợp khác, Đặc sứ gửi thư cho Chính phủ yêu cầu đưa ra lời mời. Những chuyến thăm là cơ hội để xem xét chi tiết vai trò và tình hình của những người bảo vệ nhân quyền ở một nước, để xác định những vấn đề cụ thể và để đưa ra những khuyến nghị nhằm giải quyết các vấn đề đó. Với bản chất chức năng của mình, Đặc sứ phải xem xét một cách nghiêm túc và sâu sát tình hình của những người bảo vệ nhân quyền ở một nước. Mục đích cuối cùng của quá trình đó là để đưa ra một đánh giá độc lập và không thiên vị, để từ đó tất cả các bên liên quan sẽ dùng để kiện toàn cả những đóng góp của người bảo vệ nhân quyền lẫn việc bảo vệ họ.

Các chuyến thăm thường được tiến hành trong khoảng từ 5 đến 10 ngày, trong đó Đặc sứ gặp với những người đứng đầu Nhà nước và Chính phủ, các Bộ trưởng liên quan, các cơ quan nhân quyền độc lập, các cơ quan Nhân quyền Liên Hợp Quốc, báo chí và

chính những người bảo vệ nhân quyền, cùng với các bên khác. Các vấn đề được nêu ra trong những chuyến thăm đó bao gồm: các vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền; điểm mạnh của “môi trường” hoạt động của những người bảo vệ nhân quyền, bao gồm tự do hiệp hội và tự do biểu đạt, tiếp cận các nguồn vốn và việc hỗ trợ người bảo vệ nhân quyền bằng luật pháp trong nước; và những nỗ lực của cơ quan có thẩm quyền để bảo vệ người bảo vệ nhân quyền khỏi các vi phạm.

Vài tháng sau chuyến thăm, Đặc sứ đưa ra một báo cáo chuyến thăm trong đó bao gồm những quan ngại chính và khuyến nghị hành động. Báo cáo sau đó sẽ được Đặc sứ chính thức trình bày tại kỳ họp tiếp theo của Hội đồng Nhân quyền.

(f) Các hội thảo và hội nghị

Hàng năm, Đặc sứ tham dự một số sự kiện – bao gồm các hội thảo và hội nghị - được tổ chức với chủ đề trọng tâm là người bảo vệ nhân quyền, hoặc quanh các chủ đề rộng hơn có liên quan đến người bảo vệ nhân quyền, như dân chủ hóa. Các sự kiện này có thể là sự kiện tổ chức bởi Nhà nước, Liên Hợp Quốc, các tổ chức học thuật, các tổ chức phi chính phủ, hay các tác nhân khác.

(g) Chiến lược

Đặc sứ có thể xác định các chủ đề được coi là nền tảng về vai trò và tình trạng của những người bảo vệ nhân quyền trên toàn thế giới, và tìm cách hỗ trợ những người bảo vệ nhân quyền thông qua các hành động đặc biệt dưới những chủ đề này. Một số chủ đề như vậy là quá trình dân chủ hóa, trách nhiệm của chính quyền địa phương và tác động của pháp luật về an ninh và chống khủng bố lên người bảo vệ nhân quyền. Một chiến lược nhất quán để hỗ trợ những người bảo vệ nhân quyền là thiết lập và củng cố các mạng lưới người bảo vệ nhân quyền khu vực.

(h) Các báo cáo

Báo cáo thường niên của Đặc sứ trước Hội đồng Nhân quyền và Đại hội đồng là một phần chức năng nhiệm vụ của Đặc sứ, ghi lại các hoạt động trong năm, mô tả các xu hướng chủ đạo và những quan ngại đã được xác định trong năm, và đưa ra những khuyến nghị để giải quyết những điều đó. Một số báo cáo xem xét các chủ đề quan tâm chính, ví dụ như tác động của các quy định pháp lý về an ninh lên người bảo vệ nhân quyền và công việc của họ. Các báo cáo là những chỉ số hữu ích về những vấn đề người bảo vệ nhân quyền phải đối diện ở từng quốc gia và khu vực, cũng như những vấn đề quan tâm chung trên bình diện toàn cầu. Các khuyến nghị đưa ra trong mỗi báo cáo chính là cơ sở để hành động cho các Nhà nước, các cơ quan Liên Hợp Quốc, chính những người bảo vệ nhân quyền, khu vực tư nhân và nhiều tác nhân khác. Các báo cáo của Đặc sứ đều có tại trang web của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc - OHCHR (www.ohchr.org).

Mục tiêu của tất cả các hoạt động trên của Đặc sứ là để đóng góp vào việc bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền và thực hiện Tuyên bố.

3. Bố trí nguồn lực và hỗ trợ - vai trò của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc.

Cũng như các báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc,⁶ Đặc sứ chỉ có một nguồn lực giới hạn. Các chiến lược và hoạt động cần được điều chỉnh theo phạm vi nguồn lực đó. Đặc sứ nhận được những hỗ trợ cần thiết từ Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc để thực hiện nhiệm vụ của mình, đặc biệt thông qua các “cán bộ văn phòng” liên quan.⁷ Họ là những nhân viên của OHCHR, đóng tại Geneva, dưới sự hướng dẫn của các báo cáo viên đặc biệt có trách nhiệm quản lý những hoạt động hàng ngày của các thủ tục đặc biệt thuộc Ủy ban Nhân quyền (hiện nay là Hội đồng Nhân quyền). Ví dụ, các cán bộ văn phòng của OHCHR thường nhận thông tin về các vụ vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền, họ sẽ phân tích các thông tin nhận được và thông tin với Đặc sứ. Họ hỗ trợ Đặc sứ trong việc thảo các báo cáo và giúp chuẩn bị cũng như tiến hành các chuyến thăm đến các quốc gia. Liên lạc hàng ngày với Đặc sứ - từ các đại sứ quán, các tổ chức phi chính phủ và nhân viên Liên Hợp Quốc – hầu hết được duy trì thông qua các nhân viên văn phòng. Bộ phận hành chính của OHCHR hỗ trợ việc tổ chức và chi phí đi lại cũng như các hoạt động khác.

Liên Hợp Quốc có một nguồn ngân sách nhỏ hỗ trợ cho việc đi lại của Đặc sứ để có thể tiến hành khoảng hai chuyến thăm quốc gia một năm, để tham dự các phiên họp của Hội đồng Nhân quyền và Đại hội đồng, và tham gia vào các cuộc tham vấn ở Geneva. Thành thạo, các tổ chức của Liên Hợp Quốc và các tổ chức phi chính phủ cung cấp thêm nguồn lực để hỗ trợ việc tổ chức các hội thảo, xuất bản các báo cáo nghiên cứu và các hoạt động khác liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Đặc sứ.

Thông tin về liên lạc với Đặc sứ có trong Phụ lục II của tài liệu này, trong đó bao gồm các chỉ dẫn về thông báo các vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền.

IV. Người bảo vệ nhân quyền có thể được hỗ trợ và bảo vệ trong công việc của mình như thế nào?

Việc những vi phạm nhân quyền trầm trọng nhất với người bảo vệ nhân quyền vẫn tiếp diễn trong thực tế cho thấy cần phải có những nỗ lực lớn hơn để hỗ trợ vai trò của họ, cũng như bảo vệ họ khỏi những nguy hiểm. Chương này đưa ra một số gợi ý hành động để thực hiện Tuyên bố và từ đó hỗ trợ và bảo vệ người bảo vệ nhân quyền ở các cấp địa phương, quốc gia, khu vực và quốc tế. Những gợi ý này dành cho Nhà nước, chính những người bảo vệ nhân quyền, xã hội dân sự, Liên Hợp Quốc và, trong một số trường hợp, phù hợp với cả khu vực tư nhân và các tác nhân khác. Đây không phải là

⁶ Xem Tài liệu tóm tắt số 27 để biết thêm thông tin về các Báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc.

⁷ Tùy vào nguồn lực, có thể có nhiều hơn một cán bộ hỗ trợ cho Đặc sứ.

một danh sách hoàn chỉnh những việc có thể làm, mà chỉ là những gợi ý cơ bản để tiếp tục xây dựng những hoạt động và chiến lược chi tiết hơn để phù hợp và đáp ứng tốt hơn nhu cầu ở từng khu vực hay từng quốc gia.⁸ Những gợi ý này bao gồm:

- ❖ Cơ sở pháp lý cho công việc của người bảo vệ nhân quyền và việc bảo vệ họ, bao gồm quyền tự do biểu đạt và hiệp hội;
- ❖ Được pháp luật và tòa án bảo vệ trong thực tế
- ❖ Tiếp cận đào tạo – tập huấn và thông tin;
- ❖ Vai trò của cơ quan chức năng ở quốc gia và địa phương, các tổ chức của Liên Hợp Quốc, và sức ảnh hưởng của khu vực tư nhân;
- ❖ Việc giám sát và truyền bá thông tin về tình hình của những người bảo vệ nhân quyền thông qua các phương tiện truyền thông và các mạng lưới không chính thức của xã hội dân sự;
- ❖ Việc bảo vệ và hỗ trợ với người bảo vệ nhân quyền ở nước ngoài;
- ❖ Trách nhiệm và những tiêu chuẩn cao hơn cần cho người bảo vệ nhân quyền.

Cần nhấn mạnh lại rằng những nỗ lực để hỗ trợ và bảo vệ người bảo vệ nhân quyền cũng sẽ giúp đảm bảo việc thực hiện các tiêu chuẩn nhân quyền. Bảo vệ người bảo vệ nhân quyền và hỗ trợ họ trong công việc cần phải là trọng tâm trong các chiến lược nhân quyền của Nhà nước, trong tổng thể công việc của các tổ chức Liên Hợp Quốc và với những hoạt động liên quan của các tổ chức phi chính phủ. Hỗ trợ người bảo vệ nhân quyền cần phải là một phần không thể tách rời của hợp tác quốc tế trong bối cảnh phát triển, dân chủ hóa và những tiến trình tương tự.

A. Hành động của Nhà nước

Từ năm 1998, các nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng về Tuyên bố về người bảo vệ nhân quyền đã kêu gọi tất cả các Nhà nước thúc đẩy và biến Tuyên bố thành hành động.⁹ Các nghị quyết hàng năm của Ủy ban Nhân quyền (hiện nay là Hội đồng Nhân

⁸ Những khuyến nghị hành động khác có trong báo cáo của Tổng thư ký trước Ủy ban Nhân quyền năm 2000 (E/CN.4/2000/95) và trong các báo cáo của Đặc sứ trước Đại hội đồng (A/56/341, A/57/182 và A/58/380 – phụ lục) và trước Ủy ban Nhân quyền (E/CN.4/2001/94, E/CN.4/2002/106 và Add.1 và 2 và E/CN.4/2003/104 và Add.1-4). Những báo cáo đã có của Đặc sứ có ở trang web của OHCHR (www.ohchr.org), có thể tìm thấy trong phần "Index".

⁹Tham khảo, ví dụ, nghị quyết 56/163 ngày 19 tháng 12 năm 2001 và 57/209 ngày 18 tháng 12 năm 2002.

quyền), từ năm 2000, đã kêu gọi tất cả các Nhà nước thực hiện Tuyên bố và hợp tác, hỗ trợ Đặc sứ.¹⁰

Những nghị quyết này phản ánh một cam kết chính trị của mỗi Nhà nước và cộng đồng quốc tế để hành động. Các gợi ý cụ thể cho hành động của Nhà nước bao gồm:

1. Sử dụng Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền

❖ Đảm bảo luật pháp trong nước phù hợp với Tuyên bố:

Đảm bảo rằng luật pháp trong nước phù hợp với Tuyên bố về người bảo vệ nhân quyền. Đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo rằng không có rào cản pháp lý nào giới hạn việc người bảo vệ nhân quyền tiếp cận với các nguồn quỹ, hay giới hạn tính độc lập của họ hay các quyền của họ với tự do hiệp hội, hội họp và biểu đạt.

❖ Tuyên bố là một công cụ pháp lý trong nước. Việc thông qua tuyên bố với tư cách là một công cụ pháp lý trong nước sẽ làm mạnh hơn tiềm năng của Tuyên bố như một công cụ hỗ trợ cho quyền con người và những người bảo vệ nhân quyền. Việc đưa tuyên bố thành một công cụ pháp lý trong nước của một Nhà nước sẽ là cơ sở cho việc áp dụng tuyên bố trong ngành tư pháp và đảm bảo sự tôn trọng Tuyên bố của các cơ quan Nhà nước.

❖ Thực hiện Tuyên bố: Thực hiện các điều khoản của Tuyên bố, giám sát tiến bộ đạt được và công bố báo cáo định kỳ hai năm nêu ra những bước đã được thực hiện, và những vấn đề còn quan ngại. Cân nhắc việc xây dựng, qua tham vấn cùng xã hội dân sự, và công bố một Kế hoạch hành động để thực hiện Tuyên bố.

❖ Phổ biến và cung cấp các hoạt động đào tạo về Tuyên bố:

Phổ biến Tuyên bố thông qua các chương trình thông tin và đào tạo hướng đến, ví dụ, chính những người bảo vệ nhân quyền, các cán bộ Nhà nước, các tổ chức liên chính phủ và truyền thông.

2. Bảo vệ trong thực tế

❖ Giám sát: Đảm bảo một cơ chế mạnh, độc lập và được bố trí nguồn lực đầy đủ - ví dụ một Ủy ban nhân quyền quốc gia – có thể tiếp nhận thông tin từ những người bảo vệ nhân quyền về các vi phạm họ biết đến qua công việc hoặc những vi phạm nhằm vào chính bản thân họ. Hỗ trợ việc xây dựng một cơ chế giám sát nhân quyền khu vực có thể hỗ trợ việc hỗ trợ và bảo vệ những người bảo vệ nhân quyền.

¹⁰ Tham khảo các nghị quyết của Ủy ban Nhân quyền số 2000/61 ngày 26 tháng 4 năm 2000, 2001/64 ngày 25 tháng 4 năm 2001, 2002/70 ngày 25 tháng 4 năm 2002 và 2003/64 ngày 24 tháng 4 năm 2003.

❖ Công lý và việc miễn trừ: Đảm bảo rằng người bảo vệ nhân quyền được hưởng việc bảo vệ đầy đủ của hệ thống tư pháp và những vi phạm chống lại họ được điều tra nhanh chóng và đầy đủ, đồng thời có những các biện pháp khắc phục thích đáng.

❖ Vai trò của chính quyền địa phương: Nhấn mạnh vai trò và trách nhiệm của các cơ quan chính quyền địa phương trong việc hỗ trợ và bảo vệ người bảo vệ nhân quyền. Việc thực thi Tuyên bố cần phải diễn ra ở cấp địa phương cũng như các cấp quốc gia. Tiến trình phân cấp các cơ quan Nhà nước cần nhận rõ rằng, trách nhiệm bảo vệ nhân quyền là một phần trong trách nhiệm quản trị ở địa phương cũng như ở cấp quốc gia. Các quan chức chính quyền địa phương cần phải được tham gia các chương trình giáo dục nhân quyền và cần được hỗ trợ cũng như khuyến khích từ các nhà chức trách ở cấp quốc gia về những nỗ lực của họ trong việc tôn trọng các tiêu chuẩn nhân quyền. Chính quyền địa phương có thể yêu cầu đóng góp thông tin vào báo cáo quốc gia về việc thực hiện Tuyên bố.

❖ Hợp tác với Đặc sứ: Đưa ra lời mời ngỏ với Đặc sứ về người bảo vệ nhân quyền, cũng như với các thủ tục đặc biệt khác của Hội đồng Nhân quyền. Nhanh chóng hồi đáp thông tin về những trường hợp do Đặc sứ đưa ra và cân nhắc thỏa đáng những khuyến nghị đưa ra trong báo cáo của Đặc sứ.

3. Hành động của từng cơ quan Nhà nước

❖ Cơ quan lập pháp có thể thông qua một chương trình hỗ trợ Tuyên bố và những người bảo vệ nhân quyền; đặc biệt chú trọng đến việc đảm bảo rằng luật pháp, ví dụ các quy định về an ninh, sẽ không được sử dụng một cách không phù hợp để hạn chế công việc của người bảo vệ nhân quyền; thiết lập một ủy ban của nghị viện có chức năng xem xét về người bảo vệ nhân quyền; và khuyến khích cá nhân các nghị sỹ “bảo trợ” những người bảo vệ nhân quyền nào đang bị đe dọa và công khai vận động nhân danh họ. Sáng kiến này có thể được xây dựng nhân danh những người bảo vệ nhân quyền trong nước cũng như nước ngoài;

❖ Văn phòng của người đứng đầu Nhà nước và/hoặc Chính phủ có thể thiết lập một đầu mối cho người bảo vệ nhân quyền để đảm bảo rằng, bên cạnh những việc khác, các bộ trong chính phủ có những hành động để tiếp thu và hỗ trợ công việc của người bảo vệ nhân quyền có liên quan đến lĩnh vực trách nhiệm của các bộ.

❖ Bộ Ngoại giao cần đảm bảo rằng những quan ngại của những người bảo vệ nhân quyền ở các nước khác được phản ánh trong chính sách ngoại giao của chính phủ cũng như các động thái trong thương mại quốc tế; và cung cấp hỗ trợ cho những người bảo vệ nhân quyền bị đàn áp ở các nước khác bằng cách tạo điều kiện cho họ nhập cảnh vào nước mình và bố trí nơi ở tạm thời. Một vài chính phủ đã đưa ra chính sách chính thức về người bảo vệ nhân quyền và chỉ dẫn cho các đại sứ quán của mình để hỗ trợ người bảo vệ nhân quyền.

❖ Bộ Nội vụ cần đảm bảo rằng mọi nhân viên an ninh, bao gồm cả lực lượng cảnh sát, được đào tạo về nhân quyền và rằng những nhân viên này sẽ bảo vệ vai trò của những người bảo vệ nhân quyền và các quyền và trách nhiệm đã được định nghĩa trong Tuyên bố.

B. Hành động của các tác nhân không thuộc khu vực Nhà nước – bao gồm xã hội dân sự và khu vực tư nhân

❖ Truyền thông có thể thực hiện vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ những người bảo vệ nhân quyền thông qua cung cấp thông tin về Tuyên bố, đưa tin về các vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền và nuôi dưỡng sự ủng hộ của công chúng với công việc của người bảo vệ nhân quyền. Các tổ chức về truyền thông, các tổ chức phi chính phủ có thể đưa ra những sáng kiến để kiện toàn vai trò của truyền thông trong lĩnh vực này, ví dụ như đào tạo về nhân quyền hay đảm bảo tiếp cận thường xuyên và ngày càng tăng giữa truyền thông với thông tin về các vấn đề nhân quyền. Truyền thông có thể tạo ra những nỗ lực đặc biệt để ngăn chặn bất kỳ những cố gắng nào nhằm phỉ báng người bảo vệ nhân quyền, ví dụ bằng cách nhanh chóng đưa những thông tin trái chiều với những cáo buộc sai với người bảo vệ nhân quyền là khủng bố, tội phạm hay chống lại Nhà nước.

❖ Các công ty xuyên quốc gia cần quan tâm đến những quan ngại nhân quyền thỏa đáng của người bảo vệ nhân quyền liên quan đến công ty. Các công ty cần đặc biệt cần quan tâm đến việc không khuyến khích dù công khai hay không công khai, việc cơ quan chức năng thuộc Nhà nước trấn áp những phê phán của những người bảo vệ nhân quyền về hoạt động của các công ty xuyên quốc gia. Những công ty này cũng có thể bày tỏ quan ngại với cơ quan nhà nước về những vi phạm chống lại người bảo vệ nhân quyền, ví dụ, trong khi đàm phán thương mại và trong các thỏa thuận khác với Nhà nước.

❖ Khi xây dựng cách thức tiếp cận với vấn đề người bảo vệ nhân quyền, các công ty xuyên quốc gia và các chủ thể thuộc khu vực tư nhân khác có thể tham chiếu đến Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền và đến các nguyên tắc của chương trình Hiệp ước Toàn cầu của Liên Hợp Quốc (the United Nations Global Compact).¹¹

❖ Các mạng lưới hỗ trợ: Xã hội dân sự nói chung có thể thiết lập các mạng lưới giám sát không chính thức để đảm bảo rằng, khi một người bảo vệ nhân quyền bị đe dọa, thông tin này sẽ nhanh chóng được chia sẻ rộng rãi. Việc giám sát như vậy có thể có một vai trò bảo vệ mạnh mẽ, giúp ngăn chặn các vi phạm. Các mạng lưới cần được

¹¹ Xem www.unglobalcompact.org

thiết lập ở cấp địa phương, quốc gia và khu vực. Cũng cần liên kết với các cơ chế quốc tế liên quan, ví dụ như các tổ chức phi chính phủ quốc tế về nhân quyền.

C. Hành động của các nhánh, văn phòng và các chương trình của Liên Hợp Quốc

Các nghị quyết hàng năm của Đại hội đồng về Tuyên bố về người bảo vệ nhân quyền yêu cầu mọi cơ quan và tổ chức liên quan của Liên Hợp Quốc, trong chức năng nhiệm vụ của mình, hỗ trợ Đặc sứ về người bảo vệ nhân quyền. Ngoài ra, một loạt các sáng kiến của Liên Hợp Quốc như sự ủng hộ của Tổng thư ký đối với việc lồng ghép nhân quyền trong xây dựng chương trình của tổ chức, tiến trình cải cách Liên Hợp Quốc và Chiến dịch Thiên niên kỷ để thúc đẩy những mục tiêu phát triển đã được các Nhà nước đồng ý tại Hội nghị thượng đỉnh Thiên niên kỷ 2000 đều khuyến khích và yêu cầu Liên Hiệp Quốc có sự tham gia mạnh mẽ hơn nữa vào việc thực thi các tiêu chuẩn nhân quyền. Có những mối liên hệ mạnh mẽ giữa vai trò và mục tiêu của những người bảo vệ nhân quyền với vai trò và mục tiêu của các tổ chức Liên Hợp Quốc ở một quốc gia. Thực tế, Đặc sứ đã nêu ra trong báo cáo năm 2003 lên Ủy ban Nhân quyền rằng chính các cán bộ của Liên Hợp Quốc ở một quốc gia là những người bảo vệ nhân quyền và những người bảo vệ nhân quyền cũng thường là những đối tác quan trọng của Liên Hợp Quốc ở cấp quốc gia.¹² Vì thế, sự hỗ trợ của toàn thể hệ thống Liên Hợp Quốc đối với Tuyên bố về người bảo vệ nhân quyền, đặc biệt là của các tổ chức Liên Hợp Quốc ở cấp quốc gia, chính là hỗ trợ cho những mục tiêu cốt lõi của Liên Hợp Quốc.

1. Ở cấp quốc gia

Các tổ chức Liên Hợp Quốc ở cấp quốc gia cần tích cực thực hiện Tuyên bố và hỗ trợ, trong phạm vi chức năng của mình, cho những người bảo vệ nhân quyền. Những hoạt động cụ thể có thể bảo gồm:

- ❖ Phổ biến Tuyên bố, truyền bá và dịch sang các ngôn ngữ địa phương, và thúc đẩy việc thông qua các điều khoản tuyên bố trong khung pháp lý quốc gia;
- ❖ Tổ chức các cuộc gặp riêng giữa người đứng đầu các Văn phòng quốc gia của các cơ quan Liên Hợp Quốc với những người bảo vệ nhân quyền đang làm việc trong nước (bao gồm cả những người thuộc xã hội dân sự và thuộc Nhà nước), trong đó những người bảo vệ nhân quyền có thể trình bày những quan tâm về nhân quyền và những khuyến nghị liên quan đến chức năng của các tổ chức Liên Hợp Quốc, các chương trình và văn phòng có liên quan của Liên Hợp Quốc;
- ❖ Lưu ý những quan tâm về nhân quyền liên quan đến chức năng của các tổ chức Liên Hợp Quốc tại quốc gia và nêu ra những quan tâm đó với các cơ quan Nhà nước liên quan;

¹² E/CN.4/2003/104, các đoạn 5 và 54.

❖ Cho phép những người bảo vệ nhân quyền đang làm việc cùng các tổ chức phi chính phủ có vai trò nhân quyền được công nhận được sử dụng các cơ sở vật chất của Liên Hợp Quốc, ví dụ như trung tâm hội nghị, để tiến hành các chương trình tập huấn về nhân quyền hay các hội thảo tương tự;

❖ Lưu ý những khuyến nghị liên quan của Đặc sứ về người bảo vệ nhân quyền và các báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc.

Những vị trí trong các tổ chức Liên Hợp Quốc tại một quốc gia mà công việc của họ có liên quan cụ thể đến người bảo vệ nhân quyền (tùy theo quốc gia và tổ chức) bao gồm:

❖ Đại diện hoặc Điều phối viên của Liên Hợp Quốc tại một quốc gia;

❖ Người đứng đầu của nhiều văn phòng Liên Hợp Quốc và chương trình, bao gồm ILO, OHCHR, UNAIDS, UNDP, UNESCO, UNHCR, UNICEF, UNIFEM, WFP và WHO;

❖ Các điều phối viên chương trình, cán bộ Bảo vệ và Nhân quyền (đặc biệt trong UNHCR, UNICEF, OHCHR và ILO);

❖ Cán bộ có trách nhiệm đầu mối tương tác với xã hội dân sự;

❖ Cán bộ làm việc về quản trị;

❖ Cán bộ chịu trách nhiệm về các chiến dịch giáo dục và thông tin.

2. Ở cấp khu vực và quốc tế

Ở cấp khu vực và quốc tế, hệ thống Liên Hợp Quốc có thể hỗ trợ rất lớn cho người bảo vệ nhân quyền. Những hoạt động cụ thể có thể bao gồm:

❖ Đảm bảo rằng các chương trình tập huấn cho cán bộ có chú trọng vào người bảo vệ nhân quyền, và vào Tuyên bố.

❖ Phân tích vai trò của người bảo vệ nhân quyền trong việc hỗ trợ thực hiện những chương trình hay chức năng của từng tổ chức Liên Hợp Quốc, và xác định những vấn đề gây ra hạn chế sự hỗ trợ của người bảo vệ nhân quyền đối với chức năng hay lĩnh vực đó;

❖ Đảm bảo rằng các tài liệu chính sách có nội dung chú trọng đến hỗ trợ cho những người bảo vệ nhân quyền liên quan;

❖ Duy trì liên lạc với các tổ chức và mạng lưới của những người bảo vệ nhân quyền làm việc về những vấn đề nhân quyền liên quan đến một chức năng cụ thể của Liên Hợp Quốc. Duy trì những quan tâm về bất kỳ nhu cầu bảo vệ nào mà những người bảo vệ nhân quyền có thể có và vận động hỗ trợ họ;

❖ Tiếp nhận và phân tích các báo cáo và khuyến nghị của Đặc sứ về người bảo vệ nhân quyền và chuyển các thông tin này đến các văn phòng liên quan.

D. Hành động của người bảo vệ nhân quyền

Như đã nêu trong phần đầu của tài liệu này, người bảo vệ nhân quyền có ở những cơ quan Nhà nước, trong xã hội dân sự, trong khu vực tư nhân và ở nhiều trường hợp khác. Vì thế, trong phần A và C cũng đã nhắc đến những người bảo vệ nhân quyền ở trong những khu vực như Nhà nước, phi-Nhà nước và các tác nhân liên chính phủ. Phần cuối cùng này cung cấp thêm một số gợi ý hành động cho những người bảo vệ nhân quyền với tư cách là một nhóm.

1. Chất lượng công việc

- ❖ Thiết lập và duy trì tính vô tư và minh bạch.
- ❖ Thiết lập những thực hành chuyên nghiệp về báo cáo vi phạm nhân quyền;
- ❖ Xây dựng độ tin cậy thông qua báo cáo chính xác.
- ❖ Giúp đảm bảo rằng các tổ chức nhân quyền khác duy trì tiêu chuẩn cao tương tự.
- ❖ Chừng nào các điều kiện và luật pháp quốc gia tôn trọng Tuyên bố về người bảo vệ nhân quyền và các công ước nhân quyền quốc tế khác, đảm bảo người bảo vệ nhân quyền cũng tôn trọng luật và các quy định liên quan, ví dụ như về việc đăng ký các tổ chức phi chính phủ.

2. Đào tạo

- ❖ Tổ chức các hội thảo tập huấn thường xuyên về nhân quyền cho chính mình, cho các đồng nghiệp và những người khác, như cảnh sát, nhà báo, giáo viên, và công chúng nói chung. Tập huấn cho người bảo vệ nhân quyền cần bao gồm cả tập huấn để chuyên nghiệp hóa công việc của họ cũng như tập huấn về những điều cần thận trọng về an ninh có liên quan.
- ❖ Những sự kiện như trên có thể phục vụ thêm mục đích gây sự chú ý vào những quan tâm về nhân quyền và với công việc của những người bảo vệ nhân quyền.

3. Các mạng lưới và kênh thông tin

- ❖ Tạo mạng lưới hỗ trợ giữa những người bảo vệ nhân quyền và với các tác nhân quan trọng khác như truyền thông, nhà thờ, xã hội dân sự nói chung và các tác nhân tư nhân liên quan. Các mạng lưới đặc biệt quan trọng ở cấp địa phương, quốc gia và khu vực, nhưng đồng thời mạng lưới quốc tế cũng có ích.
- ❖ Các mạng lưới có thể được dùng để giám sát độ an toàn cho những người bảo vệ nhân quyền, nhanh chóng phổ biến thông tin về một người bảo vệ nhân quyền đang

gặp nguy cơ, và đảm bảo rằng cộng đồng người bảo vệ nhân quyền mở rộng và có tính đại diện cho tất cả các quyền con người. Khi sử dụng mạng lưới để truyền đạt thông tin về các vụ vi phạm nhân quyền nói chung, người bảo vệ nhân quyền cần xác định đối tác chính và cung cấp thông tin cho họ ở dạng dễ sử dụng.

- ❖ Những kênh thông tin này có thể bao gồm một chiến lược phổ biến thông tin cho công chúng.

4. Phân tích

- ❖ Xác định rõ ràng những vấn đề căn bản mà những người bảo vệ nhân quyền ở một quốc gia phải đối diện và đưa ra những khuyến nghị với những người có thẩm quyền về cách thức giải quyết những vấn đề này.

5. Hỗ trợ những biện pháp bảo vệ nhân quyền của Nhà nước

- ❖ Vận động bổ nhiệm những quan chức được đào tạo về Nhân quyền vào những vị trí quan trọng như Bộ trưởng Tư pháp, Chánh án và Công tố cấp cao, Cảnh sát trưởng, vv.

- ❖ Thúc đẩy việc thành lập những thiết chế Nhà nước độc lập sẽ thực hiện và bảo vệ các tiêu chuẩn nhân quyền.

- ❖ Khuyến khích các cơ quan Nhà nước điều tra các vi phạm nhân quyền và kêu gọi chấm dứt tình trạng miễn trừ.

6. Các chiến lược bảo vệ

- ❖ Xác định một chiến lược và các thủ tục bảo vệ khẩn cấp những người bảo vệ nhân quyền đang bị nguy hiểm. Một chiến lược cần bao gồm các tiêu chí để xác định liệu một tình huống nguy cơ có thể được coi là cơ sở để thông tin đến các mạng lưới bảo vệ khu vực và quốc tế, trong những trường hợp đó cần rất thận trọng để đưa ra được những thông tin chính xác và hoàn chỉnh.

- ❖ Một chiến lược bảo vệ nên bao gồm việc chuyển các vụ việc lên Đặc sứ về người bảo vệ nhân quyền. Phụ lục II của tài liệu này cung cấp thông tin về cách thức chuyển thông tin lên Đặc sứ.

7. Sử dụng Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền

- ❖ Các chiến lược của người bảo vệ nhân quyền nên sử dụng tối đa Tuyên bố này.

- ❖ Cần phổ biến Tuyên bố rộng rãi, đưa Tuyên bố vào thành một chủ đề của các chiến dịch đào tạo, và những người bảo vệ nhân quyền có thể vận động để tuyên bố được thông qua bằng một văn bản pháp lý trong nước hay một kế hoạch hành động để thực hiện Tuyên bố được xây dựng dựa trên tình hình địa phương.

PHỤ LỤC

Phụ lục I: Tuyên bố về Quyền và Nghĩa vụ của các cá nhân, các nhóm và các bộ phận của xã hội trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người và tự do cơ bản đã được thừa nhận rộng rãi

(Được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua theo Nghị quyết số 53/144 ngày 9-12-1998)

Đại hội đồng,

Tái khẳng định tầm quan trọng của việc tuân thủ những mục tiêu và nguyên tắc của Hiến chương Liên hợp quốc trong việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người và những tự do cơ bản cho tất cả mọi người ở tất cả các nước trên thế giới,

Đồng thời tái khẳng định tầm quan trọng của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và các Công ước quốc tế về quyền con người, như những yếu tố cơ bản của các nỗ lực quốc tế nhằm thúc đẩy sự tôn trọng và tuân thủ rộng rãi các quyền con người và tự do cơ bản, tầm quan trọng của các văn kiện về quyền con người khác được thông qua trong khuôn khổ hệ thống Liên hợp quốc, cũng như những văn kiện ở cấp độ khu vực,

Nhấn mạnh rằng tất cả thành viên của cộng đồng quốc tế phải thực hiện, cùng nhau hoặc riêng rẽ, nghĩa vụ thiêng liêng nhằm thúc đẩy và khuyến khích sự tôn trọng các quyền con người và những tự do cơ bản cho tất cả mọi người mà không có bất kỳ sự phân biệt nào, bao gồm những phân biệt trên cơ sở chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, quan điểm chính trị hoặc quan điểm khác hay nguồn gốc xã hội hoặc dân tộc, của cải, dòng dõi hoặc những vị thế khác, và tái khẳng định tầm quan trọng đặc biệt của việc đạt được sự hợp tác quốc tế để thực hiện nghĩa vụ này theo Hiến chương,

Nhận thức vai trò quan trọng của hợp tác quốc tế, công việc cao quý của các cá nhân, các nhóm, các tổ chức trong việc đóng góp vào sự loại bỏ có hiệu quả tất cả những vi phạm quyền con người và những tự do cơ bản đối với các dân tộc và các cá nhân, bao gồm những vi phạm phổ biến, trắng trợn và có hệ thống, như những vi phạm do chủ nghĩa A-pác-thai, do tất cả những hình thức phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa thực dân, sự đô hộ hoặc chiếm đóng của ngoại bang, sự xâm lược hoặc những đe dọa đối với chủ quyền, thống nhất quốc gia hoặc toàn vẹn lãnh thổ và do sự khước từ thừa nhận quyền tự quyết của các dân tộc và quyền của mọi dân tộc thực hiện chủ quyền đầy đủ đối với các nguồn tài nguyên thiên nhiên và của cải,

Thừa nhận mối quan hệ giữa hoà bình, an ninh quốc tế với sự hưởng thụ các quyền con người và tự do cơ bản, ghi nhớ rằng sự thiếu vắng hoà bình và an ninh quốc tế không thể biện minh cho việc chối bỏ các quyền và tự do cơ bản.

Nhắc lại rằng tất cả các quyền con người và tự do cơ bản là phổ biến, không thể chia cắt, phụ thuộc lẫn nhau, liên quan đến nhau và nên được thúc đẩy, thực hiện bằng phương thức bình đẳng và công bằng, không thiên vị trong việc thực hiện từng loại quyền hoặc tự do,

Nhấn mạnh rằng trách nhiệm và nghĩa vụ chính để thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người và những tự do cơ bản thuộc về nhà nước,

Thừa nhận quyền và trách nhiệm của các cá nhân, các nhóm, các tổ chức trong xã hội đối với việc thúc đẩy sự tôn trọng và khuyến khích sự hiểu biết về quyền con người và những tự do cơ bản ở cấp độ quốc gia và quốc tế,

Tuyên bố:

Điều 1.

Mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, thúc đẩy và phấn đấu cho việc bảo vệ và hiện thực hóa các quyền con người và tự do cơ bản ở cấp độ quốc tế và quốc gia.

Điều 2.

1. Mọi quốc gia có trách nhiệm và nghĩa vụ hàng đầu để bảo vệ, thúc đẩy và thực hiện tất cả các quyền con người và tự do cơ bản, bên cạnh những phương thức khác, bằng cách thông qua những biện pháp có thể được xem là cần thiết để tạo ra tất cả những điều kiện cần trên các lĩnh vực xã hội, kinh tế, chính trị và những lĩnh vực khác, cũng như sự bảo hộ pháp lý cần có để đảm bảo rằng tất cả mọi người trong thẩm quyền tài phán của mình, từng cá nhân và cùng với những người khác, có thể hưởng thụ những quyền và tự do đó trong thực tế.

2. Mọi quốc gia phải thông qua những biện pháp lập pháp hành pháp hoặc những biện pháp khác có thể được xem là cần thiết để đảm bảo rằng những quyền và tự do được nhắc đến trong Tuyên ngôn này được bảo hộ một cách có hiệu quả.

Điều 3.

Pháp luật quốc gia phù hợp với Hiến chương Liên hợp quốc và những nghĩa vụ quốc tế khác của quốc gia đó trên lĩnh vực quyền con người và tự do cơ bản là khuôn khổ pháp lý mà ở đó quyền con người và những tự do cơ bản phải được thực hiện và hưởng thụ, đồng thời, trong khuôn khổ đó, mọi hoạt động được đề cập đến trong Tuyên ngôn này liên quan đến việc thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện hiệu quả những quyền và tự do trên phải được tiến hành.

Điều 4.

Không có điều nào trong Tuyên ngôn này được giải thích nhằm làm phương hại đến hoặc làm trái những mục tiêu và nguyên tắc của Liên hợp quốc hoặc làm hạn chế hoặc huỷ bỏ những điều khoản của Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền, các Công ước quốc tế về nhân quyền, cũng như những văn kiện quốc tế và những cam kết có liên quan khác trên lĩnh vực này.

Điều 5.

Vì mục tiêu thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người và tự do cơ bản, mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, ở cấp độ quốc gia và quốc tế:

- (a) Gặp gỡ hoặc hội họp một cách hoà bình;
- (b) Thành lập, gia nhập và tham gia vào các tổ chức, các hội hoặc các nhóm phi chính phủ;
- (c) Trao đổi thông tin với các tổ chức liên chính phủ hoặc các tổ chức phi chính phủ.

Điều 6.

Mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác:

- a) Được biết, tìm kiếm, có được và lưu giữ thông tin về mọi quyền con người và tự do cơ bản, bao gồm quyền tiếp cận thông tin về việc các quyền và tự do này được thực thi như thế nào trong các hệ thống lập pháp, tư pháp và hành pháp của quốc gia;
- (b) In ấn, phân phát hoặc phổ biến đến những người khác các quan điểm, thông tin và sự hiểu biết về quyền con người và tự do cơ bản như đã được nêu trong các văn kiện nhân quyền hoặc những văn kiện quốc tế có liên quan khác;
- (c) Nghiên cứu, trao đổi, hình thành và có quan điểm về việc tuân thủ, cả về mặt luật pháp và thực tế, tất cả quyền con người và những tự do cơ bản, thông qua những hoạt động này và những cách thức phù hợp khác, thu hút sự chú ý của công luận đối với những vấn đề đó.

Điều 7.

Mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, hình thành và trao đổi những quan điểm và nguyên tắc mới về quyền con người và vận động cho sự chấp nhận những quan điểm và nguyên tắc mới đó.

Điều 8.

1. Mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, có sự tiếp cận hiệu quả, trên cơ sở không phân biệt đối xử, để tham gia vào quản lý đất nước và điều hành các công việc của nhà nước.

2. Điều này bao gồm quyền, bên cạnh những quyền khác, gửi đến các tổ chức, các cơ quan và bộ phận hữu quan của chính quyền sự phê bình và những đề xuất cải tiến hoạt động của các cơ quan tổ chức trên, thu hút sự chú ý đối với bất kỳ lĩnh vực công việc nào có thể làm phương hại hoặc cản trở đến sự thúc đẩy, bảo vệ và thực hiện các quyền con người và tự do cơ bản.

Điều 9.

1. Khi thực thi các quyền con người và tự do cơ bản, bao gồm việc thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người được đề cập tại Tuyên ngôn này, mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, được hưởng một cơ chế khôi phục hiệu quả và được bảo vệ trong trường hợp bị vi phạm những quyền đó.

2. Nhằm đến mục đích đó, những người mà cho là bị vi phạm các quyền và tự do có quyền, tự mình hoặc thông qua người đại diện hợp pháp, khiếu kiện và việc khiếu kiện phải được xem xét nhanh chóng, công khai tại một cơ quan tư pháp có thẩm quyền, vô tư hoặc cơ quan khác được thiết lập theo luật định, đồng thời có quyền nhận từ cơ quan đó một phán quyết, phù hợp với pháp luật qui định việc bồi thường, bao gồm bất khoản bồi thường nào, khi đã có những vi phạm đối với quyền và những tự do của người đó, cũng như việc thực thi phán quyết và quyết định cuối cùng, mà không có những trì hoãn vô lý nào.

3. Cùng vì mục đích trên, bên cạnh những quyền khác, mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác:

(a) Khiếu kiện về các chính sách và những hành vi của cá nhân các công chức và các cơ quan chính quyền liên quan đến những vi phạm quyền con người và tự do cơ bản, bằng việc gửi đơn kiện hoặc những phương tiện thích hợp khác đến các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp có thẩm quyền hoặc bất kỳ một cơ quan có thẩm quyền nào khác được hệ thống pháp luật quốc gia qui định, để những cơ quan này đưa ra phán quyết về khiếu kiện mà không có sự trì hoãn vô lý nào;

(b) Tham dự vào các cuộc điều trần, các giai đoạn tố tụng và các phiên tòa công khai để có thể đánh giá về sự tuân thủ pháp luật quốc gia, những nghĩa vụ và những cam kết quốc tế có liên quan;

(c) Được giúp đỡ và cung cấp hỗ trợ pháp lý có chất lượng chuyên nghiệp hoặc sự tư vấn và trợ giúp khác thích hợp trong việc bảo vệ các quyền và tự do cơ bản.

4. Cùng mục đích đó và phù hợp với những văn kiện và những thủ tục quốc tế có liên quan, mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, tiếp cận mà không bị ngăn cản và liên lạc với những tổ chức quốc tế có thẩm quyền chung hoặc đặc biệt trong việc nhận và xem xét những khiếu kiện về những vấn đề về các quyền con người và tự do cơ bản.

5. Quốc gia phải tiến hành điều tra nhanh chóng và vô tư hoặc đảm bảo rằng một cuộc điều tra sẽ diễn ra bất kỳ khi nào có căn cứ hợp lý để tin tưởng rằng một hành vi vi phạm các quyền và tự do cơ bản đã xảy ra ở bất kỳ địa điểm nào thuộc thẩm quyền tài phán của quốc gia đó.

Điều 10.

Không một ai phải tham gia vào, bằng hành động hoặc không hành động khi được yêu cầu, sự vi phạm các quyền con người và tự do cơ bản, không một ai sẽ trở thành đối tượng của sự trừng phạt hoặc của bất kỳ hành động có hại nào vì đã từ chối thực hiện như vậy.

Điều 11.

Mọi người, một mình hoặc cùng với những người khác, có quyền thực hành hợp pháp nghề nghiệp hoặc chuyên môn của mình. Mọi người, do kết quả của việc thực hành nghề nghiệp, có thể ảnh hưởng đến nhân phẩm, quyền con người và tự do cơ bản của người khác thì phải tôn trọng những quyền, tự do đó và phải tuân thủ những tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về nguyên tắc xử thế, đạo đức nghề nghiệp và chuyên môn.

Điều 12.

1. Mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, tham gia vào những hoạt động ôn hoà chống lại những vi phạm các quyền con người và tự do cơ bản.

2. Các quốc gia phải tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các cơ quan có thẩm quyền đảm bảo sự bảo vệ đối với mọi người, từng cá nhân hoặc cùng với những người khác, khỏi bất kỳ hành động bạo lực, sự đe dọa, trả thù, sự phân biệt bất lợi trong thực tế hoặc trong pháp luật, áp lực hoặc bất kỳ những hành vi tùy tiện nào khác như một hậu quả do người đó thực hiện hợp pháp các quyền được Tuyên ngôn này đề cập.

3. Trong mối liên quan đó, mọi người có quyền một mình hoặc cùng với những người khác, được bảo vệ một cách hiệu quả theo qui định của pháp luật khi hành động chống lại hoặc phản đối, thông qua những biện pháp hoà bình, những hoạt động và những hành vi, kể cả những hành động và hành vi do sự khinh suất, có thể qui cho quốc gia mà dẫn đến những vi phạm các quyền và tự do cơ bản cũng như những hành vi bạo lực gây ra bởi những nhóm hoặc những cá nhân làm ảnh hưởng đến sự hưởng thụ các quyền và tự do cơ bản.

Điều 13.

Mọi người có quyền, một mình hoặc cùng với những người khác, yêu cầu, nhận và sử dụng những phương tiện cho những mục đích rõ ràng để thúc đẩy và bảo vệ các quyền con người và tự do cơ bản thông qua những biện pháp hoà bình, phù hợp với Điều 3 của Tuyên ngôn này.

Điều 14.

1. Quốc gia có trách nhiệm thực thi các biện pháp lập pháp, tư pháp, hành pháp hoặc những biện pháp thích hợp khác để thúc đẩy sự hiểu biết về các quyền dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội và văn hoá của tất cả mọi người thuộc thẩm quyền tài phán của quốc gia đó.

2. Những biện pháp như vậy phải bao gồm, bên cạnh những biện pháp khác:

(a) Xuất bản và phổ biến rộng rãi luật pháp và những qui định của quốc gia, cũng như những văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người có liên quan;

(b) Tiếp cận đầy đủ và công bằng đối với những văn kiện trên lĩnh vực quyền con người, kể cả những báo cáo định kỳ của các quốc gia đệ trình lên các cơ quan được thành lập bởi những điều ước mà quốc gia là thành viên, cũng như biên bản tóm tắt về những cuộc thảo luận và những báo cáo chính thức của các tổ chức đó.

3. Quốc gia phải đảm bảo và ủng hộ, khi thích hợp, việc thành lập và phát triển hơn nữa các cơ quan quốc gia độc lập thúc đẩy và bảo vệ quyền con người và tự do cơ bản ở tất cả các lãnh thổ thuộc thẩm quyền tài phán của quốc gia đó, những cơ quan này có thể là thanh tra quốc hội, uỷ ban nhân quyền hay bất kỳ hình thức tổ chức nào khác.

Điều 15.

Quốc gia có trách nhiệm thúc đẩy và tạo điều kiện cho việc giáo dục về quyền con người và những tự do cơ bản ở tất cả các cấp độ giáo dục và đảm bảo rằng tất cả những người có trách nhiệm đào tạo các luật sư, cán bộ thực thi pháp luật, nhân viên các lực lượng vũ trang và công chức phải bao gồm những nội dung giảng dạy quyền con người phù hợp trong chương trình đào tạo họ.

Điều 16.

Các cá nhân, các tổ chức phi chính phủ và những cơ quan liên quan có vai trò quan trọng trong việc góp phần làm cho công chúng nhận thức tốt hơn về những vấn đề liên quan đến các quyền con người và tự do cơ bản thông qua những hoạt động như giáo dục, đào tạo và nghiên cứu về những quyền và tự do cơ bản đó để nâng cao hơn nữa, bên cạnh những điều khác, sự hiểu biết, khoan dung, hoà bình và quan hệ hữu nghị giữa các quốc gia và giữa các nhóm tôn giáo, chủng tộc, có lưu ý đến những nền tảng khác nhau của những xã hội và những cộng đồng mà ở đó họ tiến hành các hoạt động.

Điều 17.

Trong khi thực hiện những quyền và tự do cơ bản được đề cập trong Tuyên ngôn này, mọi người, hành động một mình hoặc cùng với những người khác, sẽ chỉ bị áp đặt những hạn chế phù hợp với những nghĩa vụ quốc tế có liên quan và được xác định bởi luật pháp chỉ với mục đích đảm bảo sự thừa nhận và tôn trọng đúng đắn quyền và tự

do của những người khác và đáp ứng những yêu cầu chính đáng về đạo đức, trật tự công cộng và phúc lợi chung trong một xã hội dân chủ.

Điều 18.

1. Mọi người có nghĩa vụ đối với cộng đồng và trong khuôn khổ cộng đồng, chỉ ở trong cộng đồng ấy sự phát triển tự do và đầy đủ về nhân cách của họ có thể thực hiện được.

2. Các cá nhân, các nhóm, các cơ quan và các tổ chức phi chính phủ đóng vai trò quan trọng và có trách nhiệm trong việc bảo vệ dân chủ, thúc đẩy các quyền con người và tự do cơ bản, đồng thời góp phần vào việc thúc đẩy và sự thăng tiến các định chế, tiến trình và xã hội dân chủ.

3. Các cá nhân, các nhóm, các cơ quan và các tổ chức phi chính phủ đóng vai trò quan trọng và có trách nhiệm trong việc góp phần thích hợp vào việc thúc đẩy quyền của mọi người sống trong một trật tự xã hội và quốc tế mà ở đó các quyền và tự do được nêu trong Tuyên ngôn Quốc tế Nhân quyền và những văn kiện quốc tế về quyền con người khác có thể được thực hiện đầy đủ.

Điều 19.

Không có điều nào trong Tuyên ngôn này được giải thích với hàm ý cho phép bất kỳ cá nhân, nhóm, tổ chức xã hội hoặc bất kỳ quốc gia nào quyền tham gia vào bất kỳ hoạt động nào hoặc thực hiện bất kỳ hành vi nào nhằm huỷ hoại các quyền và tự do được đề cập đến trong Tuyên ngôn này.

Điều 20.

Không có điều nào trong Tuyên ngôn này được giải thích với hàm ý cho phép các quốc gia ủng hộ và thúc đẩy những hoạt động của các cá nhân, các nhóm, các cơ quan hay các tổ chức phi chính phủ đi ngược lại những qui định của Hiến chương Liên hợp quốc.

Phụ lục II: Hướng dẫn báo tin cho Đặc sứ về vi phạm Tuyên bố về Người bảo vệ nhân quyền

Lựa chọn thông tin đúng – Trình bày thông tin rõ ràng.

❖ Trước khi gửi khiếu nại, đảm bảo rằng thông tin của bạn có đủ tất cả các chi tiết từ điểm 1 đến 7 trong cột A (thông tin cần thiết). Nếu trong trường hợp cực kỳ khẩn cấp, có thể gửi một vụ việc mà không có những chi tiết này, nhưng thiếu các chi tiết này sẽ khiến việc xem xét vấn đề khó khăn hơn nhiều.

❖ Nếu bạn có thêm thông tin, có thể sẽ có ích. Ví dụ về các thông tin thêm được đưa ra ở cột B (thông tin hữu ích). Những chi tiết này có thể không cần thiết, nhưng trong một số trường hợp có thể rất quan trọng.

❖ Thông tin có thể được gửi dưới dạng danh sách (như trong cột A), hoặc dưới dạng một lá thư. Cột C đưa ra ví dụ về thông tin của một trường hợp và sẽ được đưa vào một lá thư như thế nào. Cung cấp những chi tiết đúng là trình bày những chi tiết này rõ ràng sẽ giúp dễ dàng đưa ra một phúc đáp nhanh hơn.

Bảo mật

❖ Danh tính của nạn nhân sẽ luôn luôn được đưa vào bất kỳ liên lạc nào giữa Đặc sứ và cơ quan Nhà nước. Đặc sứ không thể can thiệp mà không đưa ra danh tính của nạn nhân. Nếu nạn nhân còn nhỏ tuổi (dưới 18 tuổi), Đặc sứ sẽ đưa danh tính của người đó trong khi liên lạc với Nhà nước, nhưng sẽ không đưa tên của người đó trong các báo cáo công khai sau đó. Nguồn tin hay nạn nhân có thể yêu cầu không đưa tên nạn nhân trong báo cáo công khai.

❖ Danh tính của nguồn tin báo vi phạm sẽ luôn luôn được bảo mật, trừ khi nguồn tin đồng ý rằng có thể tiết lộ. Khi nộp thông tin, bạn có thể chỉ dẫn rằng các chi tiết nào bạn muốn giữ bí mật.

Chi tiết liên lạc khi gửi thông tin và để tiếp tục trao đổi.

❖ Nhân viên của Đặc sứ sẽ xác nhận việc tiếp nhận thông tin nếu được yêu cầu. Cũng có thể liên lạc với họ bất kỳ lúc nào để thảo luận thêm..

❖ E-mail liên lạc: urgent-action@ohchr.org

Trong email cần nêu lên chức năng về Người bảo vệ nhân quyền.

❖ Fax: +41 22 917 9006 (Geneva, Thụy Sĩ)

❖ Telephone: +41 22 917 1234. Đây là số điện thoại tổng đài của Liên Hợp Quốc ở Geneva, Thụy Sĩ. Người gọi cần yêu cầu nói chuyện với nhân viên của Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc chịu trách nhiệm về thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền, và đặc biệt là nhân viên hỗ trợ nhiệm vụ của Đặc sứ về Người bảo vệ nhân quyền.

<p style="text-align: center;">A Thông tin cần thiết</p>	<p style="text-align: center;">B Thông tin hữu ích</p>	<p style="text-align: center;">C Ví dụ thư gửi Đặc sứ</p>
<p>1. Tên của (các) nạn nhân Chú ý nêu rõ tên và họ của nạn nhân, và viết chính xác. Nạn nhân có thể là cá nhân, các nhóm hay tổ chức.</p> <p>2. Vị trí của nạn nhân với tư cách là một người bảo vệ nhân quyền Người/nhóm/tổ chức đó tham gia vào hoạt động gì về quyền con người?</p> <p>3. Vi phạm đối với nạn nhân Điều gì đã xảy ra? Ở đâu? Khi nào? Tình hình hiện nay thế nào?</p> <p>4. Người gây ra vi phạm Đưa ra bất kỳ thông tin nào có được về người được cho là gây ra vi phạm. Ví dụ: Hai người đàn ông (mặc đồng phục?); cấp bậc, đơn vị hay chức danh và thông tin danh tính khác.</p> <p>5. Hành động của nhà chức</p>	<p>Nếu nạn nhân là một cá nhân, cần cung cấp thông tin về giới tính, tuổi, quốc tịch và nghề nghiệp. Nếu nạn nhân là một cá nhân hay một tổ chức, cần cung cấp thông tin về người liên lạc. Thông tin về người liên lạc có thể được coi là cần bảo mật.</p> <p>Nếu có thể, cũng cần nêu ra thành phố và quốc gia nơi nạn nhân (người/tổ chức) tiến hành hoạt động về quyền con người này.</p> <p>Nếu một vi phạm ban đầu đã dẫn đến một loạt những hành vi khác, cần mô tả những hành vi này theo trật tự thời gian. Ví dụ, nếu mối quan ngại ban đầu là người bảo vệ nhân quyền đã bị bắt, cần cung cấp những thông tin về việc bắt. Nhưng nếu sau đó người đó bị giam giữ, những thông tin hữu ích có thể bao gồm: nơi giam giữ; liệu người bị giam giữ có tiếp cận được với luật sư; điều kiện giam giữ; lệnh giam giữ; vv..</p> <p>Nhân chứng Có người chứng kiến việc vi phạm không? Có nạn nhân nào khác không?</p>	<p>Bà Aabb DDee, một luật sư, sống tại [tên thành phố, thị trấn, và nước].</p> <p>Aabb Ddee tiếp nhận các vụ việc hỗ trợ cho quyền có nhà ở thích đáng của người dân tộc thiểu số. Bà cũng là thành viên của Ủy ban Nhân quyền quốc gia.</p> <p>Aabb Ddee nhận được đe dọa nặc danh cho sự an toàn của bà. Theo thông tin của chúng tôi, vào [ngày/tháng/năm], bà Ddee đã nhận được một lá thư đến văn phòng của bà ở [tên Thành phố/Thị trấn]. Lá thư gửi cho bà và chỉ có chữ "Cẩn thận". Ngoài ra, ngày hôm sau bà Ddee đã bị hai người đàn ông trong một chiếc ô tô trắng bám theo sát khi lái xe về nhà.</p> <p>Aabb Ddee không xác định được hai người đàn ông đi theo bà, hay xe của họ. Một người bạn đi cùng bà Ddee trong xe cũng nhìn thấy chiếc xe bám theo họ.</p>

<p>trách Sự việc có được báo với nhà chức trách không? Họ đã tiến hành hành động nào?</p> <p>6. Mối liên hệ giữa vi phạm và công việc nhân quyền Tại sao bạn lại nghĩ vi phạm này là một phản ứng với công việc nhân quyền của nạn nhân?</p> <p>7. Người nộp thông tin là ai? (được bảo mật) Nêu tên và chi tiết thông tin liên lạc. Nêu cả vai trò nghề nghiệp, nếu có liên quan.</p>	<p>Hành động của nạn nhân hay các tổ chức nhân quyền Việc vi phạm có được đưa ra công chúng không? Thông tin này có được gửi tới các nhóm nhân quyền khác không?</p> <p>Những sự việc trước đó Nếu trước đó có những sự việc liên quan, hãy nêu chi tiết.</p> <p>Có thể là các tổ chức hay các cá nhân.</p>	<p>Aabb Ddee đã báo cáo cả hai sự việc với cơ quan cảnh sát địa phương [tên/địa chỉ cơ quan] ngay trong ngày xảy ra sự việc. Cảnh sát đã mở một cuộc điều tra. Bà cũng đã thông báo sự việc này với một tờ báo địa phương [tên].</p> <p>Một năm trước [ngày], một luật sư khác đại diện cho cùng nhóm dân tộc thiểu số mà Aabb Ddee đại diện đã nhận được một thư đe dọa tương tự thư của bà Ddee nhận được và sau đó [ngày] đã bị giết bởi những người không rõ tung tích.</p> <p>Thư này được gửi từ Ủy ban Nhân quyền Quốc gia, nơi bà Aabb Ddee làm việc.</p>
<p>Cập nhật Hãy gửi bất kỳ thông tin cập nhật nào bạn có được càng sớm càng tốt. Đặc biệt, việc biết được có bất kỳ thay đổi nào về tình hình của nạn nhân là rất quan trọng.</p> <p>Thông tin cập nhật có thể được cung cấp thêm khi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Được biết thêm thông tin (ví dụ về danh tính của người gây ra vi phạm); - những sự kiện mới tiếp diễn (ví dụ nạn nhân được thả khỏi nơi giam giữ). 		<p>[hai tháng sau] Hôm nay [ngày] chúng tôi được biết cuộc điều tra của cảnh sát đã được khép lại hôm qua. Hai người đàn ông đã bị bắt và giam giữ vì bị buộc tội gửi thư dọa nạt đến bà Aabb Ddee vào [ngày] và đi theo bà trong xe của họ khi bà rời chỗ làm ngày hôm sau. Hai người sẽ phải ra trước tòa trong hai tuần. Trong khi hài lòng với vụ bắt giữ, bà Ddee tin rằng người đưa ra mệnh lệnh thực hiện những hành vi trên vẫn đang tự do. Bà đề nghị cảnh sát tiếp tục điều tra.</p>

Các tài liệu tóm tắt về Nhân quyền:*

- Số 02: Công ước quốc tế về Nhân quyền (chỉnh sửa lần 1)
- Số 03: Tư vấn và Hợp tác Quốc tế trong Lĩnh vực Nhân quyền (chỉnh sửa lần 1)
- Số 04: Chống Tra tấn (chỉnh sửa lần 1)
- Số 06: Mất tích cưỡng bức (chỉnh sửa lần 2)
- Số 07: Các thủ tục Khiếu nại (chỉnh sửa lần 1)
- Số 09: Quyền của các dân tộc bản địa(chỉnh sửa lần 1)
- Số 10: Quyền Trẻ em (Chỉnh sửa lần 1)
- Số 11: Xử tử không qua xét xử, xét xử vắng mặt hay sai trái (Chỉnh sửa lần 1)
- Số 12: Ủy ban Xóa bỏ Phân biệt chủng tộc
- Số 13: Luật Nhân đạo và Nhân quyền quốc tế
- Số 14: Những dạng nô lệ hiện đại
- Số 15: Quyền Dân sự và Chính trị: Ủy ban Nhân quyền
- Số 16: Ủy ban về các quyền Kinh tế, Xã hội và Văn hóa (Chỉnh sửa lần 1)
- Số 17: Ủy ban Chống Tra tấn
- Số 18: Quyền Thiểu số (Chỉnh sửa lần 1)
- Số 19: Các thiết chế quốc gia vì thúc đẩy và bảo vệ Nhân quyền
- Số 20: Nhân quyền và Người tỵ nạn
- Số 21: Quyền con người có nhà ở thích đáng
- Số 22: Phân biệt đối xử với Phụ nữ: Công ước và Ủy ban Công ước
- Số 23: Những thực hành truyền thống có hại ảnh hưởng đến sức khỏe của phụ nữ và trẻ em
- Số 24: Quyền của lao động nhập cư
- Số 25: Cưỡng chế và Nhân quyền
- Số 26: Nhóm làm việc về Giam giữ sai trái
- Số 27: Mười bảy câu hỏi thường gặp về Báo cáo viên đặc biệt của Liên Hợp Quốc về một quốc gia.
- Số 28: Tác động của các hoạt động đánh thuế lên Quyền tự quyết của các dân tộc.
- Số 29: Người bảo vệ nhân quyền: Bảo vệ quyền bảo vệ Nhân quyền

* Các tài liệu số 1, 5, 8 không còn được sử dụng.

Các tài liệu tóm tắt về Nhân quyền là chuỗi tài liệu do Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc, Văn phòng Liên Hợp Quốc tại Geneva ấn hành. Các tài liệu này nói về những vấn đề nhân quyền đang được tích cực xét đến hoặc được quan tâm đặc biệt.

Tài liệu tóm tắt về Nhân quyền nhằm giúp bạn đọc nói chung hiểu hơn những thông tin cơ bản về quyền con người và những việc Liên Hợp Quốc đang làm để thúc đẩy và bảo vệ những quyền ấy, cũng như các cơ chế quốc tế hiện có giúp thực thi những quyền này. Những tài liệu tóm tắt này được phân phát miễn phí trên toàn cầu. Liên Hợp Quốc khuyến khích chuyển ngữ tài liệu này sang những ngôn ngữ khác bên cạnh các ngôn ngữ chính thức của Liên Hợp Quốc, với điều kiện không làm thay đổi nội dung và có thông báo với Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc tại Geneva, cũng như có công nhận nguồn gốc của tài liệu.

Các đề nghị cần gửi đến:

Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc

Liên Hợp Quốc tại Geneva

8-14, Avenue de la Paix

1211 Geneva 10

Thụy Sĩ

Văn phòng New York:

Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc

Liên Hợp Quốc

New York, NY 10017

United State of America

In tại LHQ, Geneva

GE.04-40463–April 2004–11,845

Tái bản tại LHQ, Geneva

GE.06-81071-May 2006-3,000

ISSN 1014-5567